CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 5 **Số 31 + 32 (15/5/2010)**

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
	ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ	
20-4-2010 -	Quyết định số 21/QĐ-UBND-ĐA30 về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	2

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/QĐ-UBND-ĐA30

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chín phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1071/TTg-TCCV ngày 30 tháng 6 năm 2009 về việc công bố bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tổ chức việc rà soát thủ tục hành chính tại bộ, ngành, địa phương;

Xét đề nghị của Tổ trưởng Tổ công tác thực hiện đề án 30 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn triển khai ngay phương án đơn giản hóa những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố được thông qua tại Điều 1 Quyết định này theo hướng một văn bản sửa nhiều văn bản đối với những thủ tục hành chính cần phải hủy bỏ, bãi bỏ, thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung được quy định trong các văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố. Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Điều 3. Giao Tổ công tác thực hiện Đề án 30 của Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này cố hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-UBND-ĐA30 ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

A. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ

I. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NGOẠI VỤ

1. Thủ tục hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự (trường hợp hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu của nước ngoài để sử dụng ở Việt Nam) - mã số hồ sơ: 026754

1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung về thành phần hồ sơ: Chuẩn hóa Phiếu đề nghị hợp pháp hóa hoặc chứng nhận lãnh sự.

Lý do:

"Phiếu đề nghị hợp pháp hóa hoặc chứng nhận lãnh sự" được ban hành kèm theo Thông tư số 01/1999/TT-NG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu. Qua thời gian sử dụng thực tế, Bộ Ngoại giao nhận thấy có một số yêu cầu nêu trong Phiếu đề nghị không còn phù hợp nữa nên đã có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tiễn (ngắn gọn hơn và được in song ngữ Việt - Anh). Do đó, mẫu Phiếu đề nghị hiện đang được áp dụng tại Sở Ngoại vụ và Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao không trùng khớp với mẫu cũ được ban hành kèm theo Thông tư số 01/1999/TT-NG. Do đó, đề nghị chuẩn hóa Phiếu đề nghị hợp pháp hóa hoặc chứng nhận lãnh sự đang áp dụng vào trong Thông tư số 01/1999/TT-BNG để đảm bảo tính hợp pháp của Phiếu đề nghị.

b) Sửa đổi, bổ sung về thủ tục hành chính: Ký Điều ước quốc tế (Hiệp định tương trợ tư pháp) với các nước trong đó có điều khoản quy định các giấy tờ, tài liệu do các cơ quan có thẩm quyền của nước này cấp thì được miễn thủ tục hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự khi sử dụng ở Việt Nam và ngược lại.

Lý do:

Theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 01/1999/TT-NG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu "Giấy tờ, tài liệu của nước ngoài khi sử dụng ở Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác".

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi Phụ lục (Mẫu số 01/HPH-LS) Thông tư số 01/1999/TT-NG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu.

2. Thủ tục hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự (trường hợp chứng nhận lãnh sự giấy tờ, tài liệu của Việt Nam để sử dụng ở nước ngoài) - mã số hồ sơ: 026823

2.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung về thành phần hồ sơ: Chuẩn hóa Phiếu đề nghị hợp pháp hóa hoặc chứng nhận lãnh sự.

Lý do:

"Phiếu đề nghị hợp pháp hóa hoặc chứng nhận lãnh sự" được ban hành kèm theo Thông tư số 01/1999/TT-NG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu. Qua thời gian sử dụng thực tế, Bộ Ngoại giao nhận thấy có một số yêu cầu nêu trong Phiếu đề nghị không còn phù hợp nữa nên đã có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tiễn (ngắn gọn hơn và được in song ngữ Việt - Anh). Do đó, mẫu Phiếu đề nghị hiện đang được áp dụng tại Sở Ngoại vụ và Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao không trùng khớp với mẫu cũ được ban hành kèm theo Thông tư số 01/1999/TT-NG. Do đó, đề nghị chuẩn hóa Phiếu đề nghị hợp pháp hóa hoặc chứng nhận lãnh sự đang áp dụng vào trong Thông tư số 01/1999/TT-BNG để đảm bảo tính hợp pháp của Phiếu đề nghị.

b) Sửa đổi, bổ sung về yêu cầu, điều kiện: Quy định yêu cầu, điều kiện vào văn bản quy phạm pháp luật có tính pháp lý cao hơn để đảm bảo tính thực thi của pháp luật.

Lý do:

Theo quy định tại Thông tư số 01/1999/TT-BNG thì chữ ký, con dấu đề nghị

được chứng thực phải là chữ ký, con dấu gốc. Thực tế các giấy tờ, tài liệu do các cơ quan có thẩm quyền cấp có nhiều trường hợp không phải là chữ ký gốc (chỉ là chữ ký photo và con dấu gốc) Do đó, có nhiều trường hợp phải xác minh tại địa phương mất nhiều thời gian (trung bình khoảng 30 ngày) và đã phát hiện nhiều trường hợp là giấy tờ giả mạo, tuy nhiên việc xác minh còn gặp nhiều khó khăn do cơ quan chức năng chậm trả lời hoặc không trả lời xác minh nên đã phần nào ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ. Việc xác minh hồ sơ là cần thiết để đảm bảo tính xác thực của các giấy tờ yêu cầu chứng nhận lãnh sự (dấu M3) trước khi đưa ra nước ngoài sử dụng. Qua đó, góp phần giữ gìn uy tín của quốc gia trên trường quốc tế.

c) Sửa đổi, bổ sung về thủ tục hành chính: Ký Điều ước quốc tế (Hiệp định tương trợ tư pháp) với các nước trong đó có điều khoản quy định các giấy tờ, tài liệu do các cơ quan có thẩm quyền của nước này cấp thì được miễn thủ tục hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự khi sử dụng ở Việt Nam và ngược lại.

Lý do:

Theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 01/1999/TT-NG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu "Giấy tờ, tài liệu của nước ngoài khi sử dụng ở Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác".

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi Phụ lục (Mẫu số 01/HPH-LS) Thông tư số 01/1999/TT-NG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu.

- Ban hành Nghị định thay thế Thông tư số 01/1999/TT-BNG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao trong đó có điều khoản quy định yêu cầu, điều kiện đã nêu tại điểm đ khoản 2 mục V Thông tư số 01/1999/TT-BNG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu.

3. Thủ tục hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự (trường hợp chứng nhận lãnh sự bao hàm cả việc chứng thực về nội dung và hình thức của giấy tờ, tài liệu của Việt Nam để sử dụng ở nước ngoài) - mã số hồ sơ: 026866

3.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung về thành phần hồ sơ: Chuẩn hóa Phiếu đề nghị hợp pháp hóa hoặc chứng nhận lãnh sự.

Lý do:

"Phiếu đề nghị hợp pháp hóa hoặc chứng nhận lãnh sự" được ban hành kèm theo Thông tư số 01/1999/TT-NG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu. Qua thời gian sử dụng thực tế, Bộ Ngoại giao nhận thấy có một số yêu cầu nêu trong Phiếu đề nghị không còn phù hợp nữa nên đã có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tiễn (ngắn gọn hơn và được in song ngữ Việt - Anh). Do đó, mẫu Phiếu đề nghị hiện đang được áp dụng tại Sở Ngoại vụ và Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao không trùng khớp với mẫu cũ được ban hành kèm theo Thông tư số 01/1999/TT-NG. Do đó, đề nghị chuẩn hóa Phiếu đề nghị hợp pháp hóa hoặc chứng nhận lãnh sự đang áp dụng vào trong Thông tư số 01/1999/TT-BNG để đảm bảo tính hợp pháp của Phiếu đề nghị.

b) Sửa đổi, bổ sung về kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tem (hoặc dấu) chứng nhận lãnh sự đóng trên giấy tờ, tài liệu: chỉ chứng nhận về mặt hình thức.

Lý do:

Theo Thông tư số 01/1999/TT-BNG (mẫu số 05/HPH) thì kết quả thực hiện thủ tục này là Tem (hoặc dấu) đóng trên giấy tờ, tài liệu bao gồm xác nhận cả về nội dung và hình thức của giấy tờ, tài liệu. Thực tế, việc xác nhận về nội dung rất khó thực hiện vì nội dung các giấy tờ, tài liệu phải tuân theo quy định của nước đã cấp loại giấy tờ, tài liệu đó. Về nguyên tắc cơ quan hoặc người lập văn bản phải chịu trách nhiệm chính về nội dung, và sự phù hợp của văn bản, cơ quan nhà nước cấp trên hoặc toà án mới có thể xem xét xác định sự phù hợp và tính xác thực của giấy tờ, tài liệu.

Do đó, việc xác nhận con dấu, chữ ký của người có thẩm quyền chỉ nên thực hiện trên cơ sở đối chiếu với mẫu dấu và chữ ký đã giới thiệu cho Sở Ngoại vụ dưới hình thức "đã xem" ("seen at" hoặc "seen by") đối với các giấy tờ không thuộc diện cấm không được chứng nhận lãnh sự; không xác nhận về nội dung.

c) Sửa đổi, bổ sung về yêu cầu, điều kiện: Quy định yêu cầu, điều kiện vào văn bản quy phạm pháp luật có tính pháp lý cao hơn để đảm bảo tính thực thi của pháp luật.

Lý do:

Theo quy định tại Thông tư số 01/1999/TT-BNG thì chữ ký, con dấu đề nghị

được chứng thực phải là chữ ký, con dấu gốc. Thực tế các giấy tờ, tài liệu do các cơ quan có thẩm quyền cấp có nhiều trường hợp không phải là chữ ký gốc (chỉ là chữ ký photo và con dấu gốc) Do đó, có nhiều trường hợp phải xác minh tại địa phương mất nhiều thời gian (trung bình khoảng 30 ngày) và đã phát hiện nhiều trường hợp là giấy tờ giả mạo, tuy nhiên việc xác minh còn gặp nhiều khó khăn do cơ quan chức năng chậm trả lời hoặc không trả lời xác minh nên đã phần nào ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ. Việc xác minh hồ sơ là cần thiết để đảm bảo tính xác thực của các giấy tờ yêu cầu chứng nhận lãnh sự (dấu M3) trước khi đưa ra nước ngoài sử dụng. Qua đó, góp phần giữ gìn uy tín của quốc gia trên trường quốc tế.

d) Sửa đổi, bổ sung về thủ tục hành chính: Ký Điều ước quốc tế (Hiệp định tương trợ tư pháp) với các nước trong đó có điều khoản quy định các giấy tờ, tài liệu do các cơ quan có thẩm quyền của nước này cấp thì được miễn thủ tục hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự khi sử dụng ở Việt Nam và ngược lại.

Lý do: Theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 01/1999/TT-NG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu "Giấy tờ, tài liệu của nước ngoài khi sử dụng ở Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác".

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi Phụ lục (Mẫu số 01/HPH-LS) Thông tư số 01/1999/TT-NG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu.

- Sửa Mẫu số 05/HPH Thông tư số 01/1999/TT-NG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu.

- Ban hành Nghị định thay thế Thông tư số 01/1999/TT-BNG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao trong đó có điều khoản quy định yêu cầu, điều kiện đã nêu tại điểm đ khoản 2 mục V Thông tư số 01/1999/TT-BNG ngày 03/6/1999 của Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu.

4. Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ - mã số hồ sơ: 026882

4.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung về thời gian giải quyết hồ sơ: Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ xuống còn:

+ 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp hồ sơ được nộp qua đường Fax hoặc đường bưu điện - chuyển phát nhanh).

+ 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp nộp trực tiếp).

Lý do:

Hiện nay, việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong xử lý thông tin, nâng cấp mạng, máy và vi tính hóa trong việc cấp hộ chiếu nên thời gian giải quyết được rút ngắn hơn và để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Sửa đổi, bổ sung về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa Quyết định cử cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài.

Lý do:

Thực tế, Quyết định cử cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền không đủ các yếu tố xác định người được cử đi là người trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước, không nêu đầy đủ các yếu tố cần thiết theo quy định tại Khoản 3, Mục III Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước và ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Do đó, để thống nhất thông tin cần phải có trong Quyết định cử cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài, đề nghị mẫu hóa Quyết định này vào văn bản quy phạm pháp luật để cơ quan có thẩm quyền dễ thực hiện và đúng yêu cầu.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm d khoản 1 Mục IV Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước và ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Bổ sung Mẫu "Quyết định cử cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài" tại Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước và ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

5. Thủ tục gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ - mã số hồ sơ: 026922

5.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung về thời gian giải quyết hồ sơ: Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ còn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

Lý do:

Trình tự giải quyết thủ tục gia hạn không mất nhiều công đoạn kỹ thuật như đối với việc cấp hộ chiếu. Đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính, đề nghị giảm thời gian giải quyết xuống còn 01 ngày làm việc. Vì thực tế 01 ngày vẫn đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ (theo quy định là 02 ngày làm việc).

b) Sửa đổi, bổ sung về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa Quyết định cử cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài.

Lý do:

Thực tế, Quyết định cử cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền không đủ các yếu tố xác định người được cử đi là người trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước, không nêu đầy đủ các yếu tố cần thiết theo quy định tại Khoản 3, Mục III Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước và ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Do đó, để thống nhất thông tin cần phải có trong Quyết định cử cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài, đề nghị mẫu hóa Quyết định này vào văn bản quy phạm pháp luật để cơ quan có thẩm quyền dễ thực hiện và đúng yêu cầu.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm d khoản 1 Mục IV Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước và ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Bổ sung Mẫu "Quyết định cử cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài" tại Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước và ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

6. Thủ tục Thủ tục bổ sung, sửa đổi hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (trường hợp bổ sung ảnh trẻ em dưới 14 tuổi vào hộ chiếu của cha, mẹ hoặc người giám hộ) - mã số hồ sơ: 026961

6.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung về thời gian giải quyết hồ sơ: Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ còn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

Lý do:

Trình tự giải quyết thủ tục này không mất nhiều công đoạn kỹ thuật như đối với việc cấp hộ chiếu. Đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính, đề nghị giảm thời gian giải quyết xuống còn 01 ngày làm việc. Vì thực tế 01 ngày vẫn đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ (theo quy định là 02 ngày làm việc).

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm d khoản 2 Mục IV Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước và ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

7. Thủ tục bổ sung, sửa đổi hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (trường hợp sửa đổi, bổ sung khác) - mã số hồ sơ: 027022

7.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung về thời gian giải quyết hồ sơ: Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ còn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

Lý do:

Trình tự giải quyết thủ tục này không mất nhiều công đoạn kỹ thuật như đối với việc cấp hộ chiếu. Đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính, đề nghị giảm thời gian giải quyết xuống còn 01 ngày làm việc. Vì thực tế 01 ngày vẫn đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ (theo quy định là 02 ngày làm việc).

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm d khoản 2 Mục IV Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước và ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

8. Thủ tục cấp công hàm xin thị thực - mã số hồ sơ: 027035

8.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung về thời gian giải quyết hồ sơ: Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ còn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

Lý do:

Trình tự giải quyết thủ tục này không mất nhiều công đoạn kỹ thuật như đối với việc cấp hộ chiếu. Đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính, đề nghị giảm thời gian giải quyết xuống còn 01 ngày làm việc. Vì thực tế 01 ngày vẫn đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ (theo quy định là 02 ngày làm việc).

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04/02/2008 của Bộ Ngoại giao

hướng dẫn việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước và ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2008).

II. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ KHU NAM

1. Thủ tục Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng độ thị tỷ lệ 1/500 - mã số hồ sơ: 029924

1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Trong trường hợp quy hoạch 1/2000 được duyệt thể hiện rõ các chỉ tiêu, đủ các thông tin để lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 thì không cần lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500. Chỉ thêm nội dung "Đối với khu vực quy hoạch đã được duyệt QHCT 1/2000 đã xác định rõ các chỉ tiêu, đủ các thông tin thì có thể lập đồ án QHCT 1/500 mà không phải lập nhiệm vụ QHCT 1/500".

Lý do: Để giảm bớt chi phí hành chính cho cá nhân, tổ chức.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung vào phần I-Những quy định chung của Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/04/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng.

2. Thủ tục Cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng - mã số hồ sơ: 029973

2.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 20 ngày xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do:

Hồ sơ của thủ tục đơn giản, không đòi hỏi nhiều thời gian để xử lý.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi Điều 41 của Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 về quy hoạch xây dựng.

3. Thủ tục Cấp phép xây dựng tạm - mã số hồ sơ: 029776

3.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính cho phù hợp với điều kiện hiện tại.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ. Do đó, căn cứ của Quyết định số 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND Tp. Hồ Chí Minh đã hết hiệu lực một phần.

b) Sửa đổi, bổ sung: Chuyển thẩm quyền cấp phép xây dựng tạm: Giao cho cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tạm.

Lý do:

Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương cấp phép xây dựng tạm sẽ tạo thuận lợi cho người dân vừa là cơ quan xác nhận đơn của người dân, vừa cấp phép và quản lý xây dựng tạm.

c) Sửa đổi, bổ sung: Giảm bớt thành phần hồ sơ: Gom các nội dung cam kết vào chung trong mẫu Đơn xin cấp giấy phép xây dựng tạm và bỏ các mẫu cam kết phải điền trên mẫu riêng.

Lý do:

Giảm bớt sự rườm rà, không cần thiết của thành phần hồ sơ.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thay thế Quyết định số 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND Tp. Hồ Chí Minh ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và sửa đổi ban hành theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ.

4. Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép xây dựng tạm nhà ở riêng lẻ - mã số hồ sơ: 029832

4.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho phù hợp với điều kiện hiện tại.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành các nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ. Do đó, căn cứ của Quyết định 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND Tp. Hồ Chí Minh đã hết hiệu lực một phần.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị thay thế Quyết định số 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND Tp. Hồ Chí Minh ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và sửa đổi ban hành theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ.

5. Thủ tục Thay đổi thiết kế kèm Giấy phép xây dựng tạm - mã số hồ sơ: 029867

5.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho phù hợp với điều kiện hiện tại.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của

Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ. Do đó, căn cứ của Quyết định 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND Tp. Hồ Chí Minh đã hết hiệu lực một phần.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị thay thế Quyết định số 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND Tp. Hồ Chí Minh ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và sửa đổi ban hành theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ.

6. Thủ tục Gia hạn Giấy phép xây dựng tạm - mã số hồ sơ: 029883

6.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho phù hợp với điều kiện hiện tại.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành các nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ. Do đó, căn cứ của Quyết định 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND Tp. Hồ Chí Minh đã hết hiệu lực một phần.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị thay thế Quyết định số 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND Tp. Hồ Chí Minh ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và sửa đổi ban hành theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ.

7. Thủ tục Sao lục Giấy phép xây dựng tạm nhà ở riêng lẻ - mã số hồ sơ: 029897

7.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho phù hợp với điều kiện hiện tại.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ. Do đó, căn cứ của Quyết định 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND Tp. Hồ Chí Minh đã hết hiệu lực một phần.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị thay thế Quyết định số 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND Tp. Hồ Chí Minh ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và sửa đổi ban hành theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ.

8. Thủ tục Giao đất đối với dự án không sử dụng vốn ngân sách - mã số hồ sơ: 029971

8.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung: Báo cáo đánh giá tác động môi trường không nhất thiết phải được phê duyệt trước khi phê duyệt dự án đầu tư và một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ.

Lý do:

Theo Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định

báo cáo đánh giá tác động môi trường được lồng ghép thành một nội dung trong dự án đầu tư và việc đánh giá tác động môi trường được thực hiện khi thẩm định đồ án QHCT xây dựng 1/500 và thực hiện hậu kiểm.

b) Sửa đổi, bổ sung: Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư không cần phải có kiểm toán.

Lý do:

Điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định báo cáo tài chính do nhà đầu tư tự lập và tự chịu trách nhiệm không yêu cầu phải có kiểm toán.

c) Sửa đổi, bổ sung: Lập và thẩm định, phê duyệt dự án thành phần (cấp 2) thuộc dự án khu đô thị mới là dự án phát triển nhà ở theo quy định của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

Lý do:

Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05/01/2006 của Chính phủ quy định các dự án cấp 2 được lập, thẩm định và phê duyệt theo pháp luật về quản lý xây dựng công trình (hướng dẫn chi tiết tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ).

d) Bỏ "Bản kê khai tình trạng sử dụng đất các dự án đã được nhà nước giao đất, cho thuê đất trước đó".

Lý do:

Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ bãi bỏ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1- Điểm đ khoản 1, điểm c khoản 2 của Điều 12; Điểm đ khoản 1, điểm h khoản 2 của Điều 13; Điểm e khoản 1, điểm c khoản 2 của Điều 14; Điểm đ khoản 1, điểm c khoản 2 của Điều 15 theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2- Điểm đ khoản 2 của Điều 4 Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3- Điều 5, 8 Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ .

4- Điểm a khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 1 Điều 14 theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

9. Thủ tục Thuê đất đối với dự án không sử dụng vốn ngân sách - mã số hồ sơ: 029967

9.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung: Báo cáo đánh giá tác động môi trường không nhất thiết phải được phê duyệt trước khi phê duyệt dự án đầu tư và một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ.

Lý do:

Theo Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định báo cáo đánh giá tác động môi trường được lồng ghép thành một nội dung trong dự án đầu tư và việc đánh giá tác động môi trường được thực hiện khi thẩm định đồ án QHCT xây dựng 1/500 và thực hiện hậu kiểm.

b) Sửa đổi, bổ sung: Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư không cần phải có kiểm toán.

Lý do:

Điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định báo cáo tài chính do nhà đầu tư tự lập và tự chịu trách nhiệm không yêu cầu phải có kiểm toán.

c) Sửa đổi, bổ sung: Lập và thẩm định, phê duyệt dự án thành phần (cấp 2) thuộc dự án khu đô thị mới là dự án phát triển nhà ở theo quy định của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

Lý do:

Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05/01/2006 của Chính phủ quy định các dự án cấp 2 được lập, thẩm định và phê duyệt theo pháp luật về quản lý xây dựng công

trình (hướng dẫn chi tiết tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ).

d) Bỏ "Bản kê khai tình trạng sử dụng đất các dự án đã được nhà nước giao đất, cho thuê đất trước đó".

Lý do:

Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ bãi bỏ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1- Điểm đ khoản 1, điểm c khoản 2 của Điều 12; Điểm đ khoản 1, điểm h khoản 2 của Điều 13; Điểm e khoản 1, điểm c khoản 2 của Điều 14; Điểm đ khoản 1, điểm c khoản 2 của Điều 15 theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2- Điểm đ khoản 2 của Điều 4 Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3- Điều 5, 8 Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ .

4- Điểm a khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 1 Điều 14 theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

10. Thủ tục Thay đổi giấy chứng nhận đầu tư (đối với các dự án theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp giấy phép trước ngày 01/7/2006) - mã số hồ sơ: 030223

10.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh về thời hạn đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi.

Giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Lý do:

Theo Nghị định số 101/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006, "Doanh nghiệp không

đăng ký lại là doanh nghiệp không thực hiện việc đăng ký lại trong thời hạn 2 năm, kể từ ngày Luật Doanh nghiệp có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên tại Điều 3, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư và xây dựng cơ bản đã sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 170 của Luật Doanh nghiệp như sau: "Đăng ký lại và tổ chức quản lý, hoạt động theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; việc đăng ký lại được thực hiện trong thời hạn năm năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực".

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị điều chỉnh điều 16,17,18,19 Nghị định số 101/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư.

11. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đầu tư (đối với dự án đầu tư nước ngoài) - mã số hồ sơ: 030263

11.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương và các Bộ nhằm rút ngắn thời gian thẩm tra dự án.(Hiện nay chưa có quy chế phối hợp trong việc lấy ý kiến thẩm tra của các Bộ quản lý ngành đối với các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, thông thường thời gian lấy ý kiến kéo dài, cá biệt có những hồ sơ phải lấy ý kiến nhiều lần. Có thể gây tốn kém cho nhà đầu tư).

Lý do:

Hiện nay chưa có quy chế phối hợp trong việc lấy ý kiến thẩm tra của các Bộ quản lý ngành đối với các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, thông thường thời gian lấy ý kiến kéo dài, cá biệt có những hồ sơ phải lấy ý kiến nhiều lần. Có thể gây tốn kém cho nhà đầu tư.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị điều chỉnh Chương II, Điều 2, 3 và 4 của Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương mại.

12. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đầu tư (đối với dự án đầu tư trong nước) - mã số hồ sơ: 030394

12.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung:

- Đề nghị thực hiện cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo hình thức đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay cho thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư - Đề nghị thống nhất cấp Giấy chứng nhận đầu tư dựa trên quy hoạch chi tiết 1/2000.

- Cần sự đồng bộ, thống nhất giữa thủ tục giao, thuê đất quy định tại Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư (chỉ thực hiện thẩm tra một lần duy nhất).

Lý do:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xem xét giải quyết cho nhà đầu tư.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị sửa đổi, bổ sung các Điều 42, 43, Điều 45 đến Điều 49 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

13. Thủ tục Thẩm định Thiết kế cơ sở - mã số hồ sơ: 029958

13.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ toàn bộ thủ tục hành chính Thẩm định thiết kế cơ sở. Trong trường hợp chủ đầu tư có nhu cầu, có thể lấy ý kiến của cơ quan thẩm quyền tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở.

Lý do:

Hủy bỏ thủ tục Thẩm định Thiết kế cơ sở vì đã có quy hoạch chi tiết 1/500 để quản lý và làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng. Ngoài ra, theo khoản 6 điều 10 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây

dựng công trình thì việc thẩm định thiết kế cơ sở được thực hiện cùng lúc với việc thẩm định dự án đầu tư, không phải tổ chức thẩm định riêng.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 83/2009/NĐ-CP.

14. Thủ tục Thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - mã số hồ sơ: 030325

14.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Lý do:

Trong thời gian hoạt động, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể thay đổi trụ sở chính nhiều lần. Việc ghi thông tin về địa điểm đặt tụ sở vào Giấy chứng nhận đầu tư là cần thiết. Tuy nhiên, để đơn giản hóa thủ tục hành chính, khi có nhu cầu, doanh nghiệp chỉ cần gửi văn bản thông báo sự thay đổi này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan quản lý nhà nước ghi nhận sự thay đổi và có văn bản xác nhận gửi cho doanh nghiệp. Văn bản này là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đầu tư.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị điều chỉnh Điều 52 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006.

15. Thủ tục Thay đổi người đại diện pháp luật - mã số hồ sơ: 030372

15.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục Thay đổi người đại diện pháp luật.

Lý do:

Trong thời gian hoạt động, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể thay

đổi trụ sở chính nhiều lần. Việc ghi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vào Giấy chứng nhận đầu tư là cần thiết. Tuy nhiên, để đơn giản hóa thủ tục hành chính, khi có nhu cầu, doanh nghiệp chỉ cần gửi văn bản thông báo sự thay đổi này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan quản lý nhà nước ghi nhận sự thay đổi và có văn bản xác nhận gửi cho doanh nghiệp. Văn bản này là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đầu tư.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Điều 23 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số đều của Luật Doanh nghiệp.

III. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA THANH TRA THANH PHỐ

1. Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu - mã số hồ sơ: 137987

1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Những vấn đề chồng chéo giữa Luật Khiếu nại, tố cáo với các quy định pháp luật khác, đặc biệt là Luật Đất đai.

Lý do:

- Theo thống kê, số vụ việc khiếu nại liên quan đến lĩnh vực đất đai chiếm phần lớn. Đồng thời, giữa Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Đất đai và các quy định pháp luật khác còn nhiều điểm chưa thống nhất, chồng chéo và đây cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong công tác giải quyết khiếu nại.

- Ví dụ: Tại Điều 31 Luật Khiếu nại, tố cáo đưa ra quy định chung về thời hiệu khiếu nại (90 ngày), Điều 36 Luật Khiếu nại, tố cáo quy định thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu là (30 ngày hoặc 45 ngày); Điều 43 Luật Khiếu nại, tố cáo quy định thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai là (45 ngày hoặc 60 ngày) và tại Điều 36 Luật Khiếu nại, tố cáo thì thời hạn khiếu nại tiếp hoặc khởi kiện vụ án hành chính (30 ngày). Song theo quy định tại Điều 163 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP thì thời

hiệu khiếu nại (30 ngày); thời hạn khiếu nại tiếp hoặc khởi kiện vụ án hành chính (45 ngày). Theo quy định của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính: Thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính về đất đai tại Điều 30 là 45 ngày và các vụ kiện thông thường khác là 30 ngày hoặc 45 ngày.

- Về nội dung chồng chéo giữa Luật Khiếu nại, tố cáo với các quy định pháp luật khác, đặc biệt là Luật Đất đai:

+ Các quy định pháp luật khác không quy định về vấn đề khiếu nại, mà dẫn chiếu theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo. Phương án này sẽ bất hợp lý, vì mỗi lĩnh vực, loại việc sẽ cần thời hạn giải quyết khác nhau, tùy theo tính chất của công việc. Do đó, đề nghị bãi bỏ quy định chung về thời hạn (nêu rõ thêm hướng xử lý về thời hạn cho phù hợp với tính chất từng vụ việc hoặc theo hướng khi ban hành các luật có liên quan việc giải quyết khiếu nại, tố cáo phải tham chiếu Luật Khiếu nại, tố cáo để khắc phục tình trạng chồng chéo về thời hạn giải quyết).

+ Luật Khiếu nại, tố cáo cần quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật. Theo đó, Luật Khiếu nại, tố cáo được xem là đạo luật chung quy định những vấn đề có tính nguyên tắc về khiếu nại và giải quyết khiếu nại làm căn cứ cho việc áp dụng pháp luật để giải quyết khiếu nại, theo nguyên tắc: nếu các đạo luật khác có quy định về khiếu nại trong từng lĩnh vực cụ thể thì áp dụng đạo luật đó, nếu không quy định hoặc quy định không đầy đủ thì áp dụng những quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo để giải quyết.

- Bổ sung những quy định về giải quyết khiếu nại đông người trong Luật Khiếu nại, tố cáo:

Hiện nay, Luật Khiếu nại, tố cáo hiện hành chưa quy định việc giải quyết khiếu nại đông người. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ, khi cơ quan Nhà nước nhận được "đơn khiếu nại có chữ ký của nhiều người thì có trách nhiệm hướng dẫn người khiếu nại viết thành đơn riêng để thực hiện việc khiếu nại". Để hoàn thiện những quy định của pháp luật điều chỉnh hiện tượng khiếu nại đông người phù hợp với tình hình thực tế ở Việt Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh chính trị và trật tự công cộng và bảo đảm quyền khiếu nại của công dân. Vì thế, đề xuất bổ sung Luật Khiếu nại, tố cáo cần bổ sung những quy định về khái niệm khiếu nại đông người; điều kiện được thực hiện khiếu nại đông người; quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại khi khiếu nại đông người; thủ tục giải quyết khiếu nại đông người và nguyên tắc xử lý vi phạm những quy định về khiếu nại đông người…

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Kiến nghị Quốc hội điều chỉnh Luật Khiếu nại, tố cáo cho phù hợp với kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

- Bổ sung thêm một điều về nguyên tắc áp dụng pháp luật về khiếu nại, tố cáo vào Chương II của Luật Khiếu nại, tố cáo. Luật Khiếu nại, tố cáo được xem là đạo luật chung quy định những vấn đề có tính nguyên tắc về khiếu nại và giải quyết khiếu nại làm căn cứ cho việc áp dụng pháp luật để giải quyết khiếu nại, theo nguyên tắc: nếu các đạo luật khác có quy định về khiếu nại trong từng lĩnh vực cụ thể thì áp dụng đạo luật đó, nếu không quy định hoặc quy định không đầy đủ thì áp dụng những quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo để giải quyết.

- Bổ sung trong Luật Khiếu nại, tố cáo thêm một Chương về giải quyết khiếu nại đông người, trong tố cáo cần quy định rõ về khái niệm, điều kiện tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, trình tự thủ tục giải quyết và nguyên tắc xử lý vi phạm.

2. Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần hai - mã số hồ sơ: 028014

2.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Đề xuất xử lý những vấn đề chồng chéo giữa Luật Khiếu nại, tố cáo với các quy định pháp luật khác, đặc biệt là Luật Đất đai.

Lý do:

- Theo thống kê, số vụ việc khiếu nại liên quan đến lĩnh vực Đất đai chiếm phần lớn. Đồng thời, giữa Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Đất đai và các quy định pháp luật khác còn nhiều điểm chưa thống nhất, chồng chéo và đây cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong công tác giải quyết khiếu nại.

- Ví dụ: Tại Điều 31 Luật Khiếu nại, tố cáo đưa ra quy định chung về thời hiệu khiếu nại (90 ngày), Điều 36 Luật Khiếu nại, tố cáo quy định thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu là (30 ngày hoặc 45 ngày); Điều 43 Luật Khiếu nại, tố cáo quy định thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai là (45 ngày hoặc 60 ngày) và tại Điều 36 Luật Khiếu nại, tố cáo thì thời hạn khiếu nại tiếp hoặc khởi kiện vụ án hành chính (30 ngày). Song theo quy định tại Điều 163 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP thì thời hiệu khiếu nại (30 ngày); thời hạn khiếu nại tiếp hoặc khởi kiện vụ án hành chính (45

ngày). Theo quy định của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính: Thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính về đất đai tại Điều 30 là 45 ngày và các vụ kiện thông thường khác là 30 ngày hoặc 45 ngày.

- Để giải quyết vấn đề này, đề xuất hướng giải quyết cụ thể như sau:

+ Các quy định pháp luật khác không quy định về vấn đề khiếu nại, mà dẫn chiếu theo quy của Luật Khiếu nại, tố cáo. Phương án này sẽ bất hợp lý, vì mỗi lĩnh vực, loại việc sẽ cần thời hạn giải quyết khác nhau, tùy theo tính chất của công việc. Do đó, nếu quy định chung về thời hạn là không hợp lý.

+ Luật Khiếu nại, tố cáo cần quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật. Theo đó, Luật Khiếu nại, tố cáo được xem là đạo luật chung quy định những vấn đề có tính nguyên tắc về khiếu nại và giải quyết khiếu nại làm căn cứ cho việc áp dụng pháp luật để giải quýêt khiếu nại, theo nguyên tắc: nếu các đạo luật khác có quy định về khiếu nại trong từng lĩnh vực cụ thể thì áp dụng đạo luật đó, nếu không quy định hoặc quy định không đầy đủ thì áp dụng những quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo để giải quyết.

- Còn về phần khiếu nại đông người, nên hoàn thiện những quy định của Luật Khiếu nại, giải quyết khiếu nại đông người:

Hiện nay, Luật Khiếu nại, tố cáo hiện hành chưa quy định việc giải quyết khiếu nại đông người. Theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ, khi cơ quan Nhà nước nhận được "đơn khiếu nại có chữ ký của nhiều người thì có trách nhiệm hướng dẫn người khiếu nại viết thành đơn riêng để thực hiện việc khiếu nại". Để hoàn thiện những quy định của pháp luật điều chỉnh hiện tượng khiếu nại đông người phù hợp với tình hình thực tế ở Việt Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh chính trị và trật tự công cộng và bảo đảm quyền khiếu nại của công dân. Vì thế, trong Luật Khiếu nại, tố cáo cần bổ sung những quy định về khái niệm khiếu nại đông người; điều kiện được thực hiện khiếu nại đông người; quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại khi khiếu nại đông người; thủ tục giải quyết khiếu nại đông người và nguyên tắc xử lý vi phạm những quy định về khiếu nại đông người…

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Kiến nghị Quốc hội điều chỉnh Luật Khiếu nại, tố cáo cho phù hợp với kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

- Bổ sung thêm một điều về nguyên tắc áp dụng pháp luật về khiếu nại, tố cáo vào Chương II của Luật Khiếu nại, tố cáo.

- Bổ sung thêm một Chương cho phần về giải quyết khiếu nại đông người, trong đó cần quy định rõ về khái niệm, điều kiện tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, trình tự thủ tục giải quyết và nguyên tắc xử lý vi phạm.

3. Thủ tục giải quyết tố cáo - mã số hồ sơ: 028056

3.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Những khó khăn trong việc giải quyết tố cáo:

- Thẩm quyền giải quyết tố cáo:

Nguyên tắc và thẩm quyền giải quyết tố cáo đã được quy định cụ thể trong Luật Khiếu nại, tố cáo và Nghị định số 136/2006/NĐ-CP. Tuy nhiên, Luật Khiếu nại, tố cáo mới chỉ đề cập đến thẩm quyền và các nguyên tắc phân định thẩm quyền của các cơ quan Nhà nước nói chung và các cơ quan hành chính nhà nước nói riêng trong giải quyết tố cáo. Song chưa cụ thể hóa trách nhiệm giải quyết của các cơ quan hành chính đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong từng lĩnh vực với từng loại đối tượng, chưa quy định mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, cơ quan nhà nước với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trong việc xử lý các đối tượng thực hiện quyền quản lý của mình. Vì vậy trong quá trình thực hiện xuất hiện tình trạng trùng lặp về thẩm quyền, không xác định được cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết đối với đối tượng nhất định khi thực hiện một hành vi vi phạm nên các cơ quan nhà nước gặp nhiều khó khăn trong việc phân loại thụ lý và giải quyết, thậm chí giữa các cơ quan còn có tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giải quyết đối với những vụ tố cáo có tính chất phức tạp, nhạy cảm.

- Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo:

Luật Khiếu nại, tố cáo chưa quy định đầy đủ về thủ tục giải quyết tố cáo như: các hình thức tố cáo; việc tiếp nhận và xử lý đơn tố cáo, thời hiệu tố cáo, việc giải quyết tố cáo tiếp, việc thẩm tra, xác minh, kết luận về nội dung tố cáo, quyết định xử lý tố cáo… cụ thể là:

+ Về tiếp nhận tố cáo: Luật Khiếu nại, tố cáo và các nghị định hướng dẫn thi hành quy định không xem xét, xử lý đối với tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều vụ việc tố cáo không rõ ràng, có cơ sở để thẩm tra,

xác minh thì vẫn được một số cơ quan xem xét, giải quyết, trong khi đó ở một số nơi lại không xem xét với lý do họ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa quy định về việc tiếp nhận tố cáo thông qua trang thông tin điện tử, qua điện thoại hoặc hòm thư điện tử, vì vậy đã bỏ lọt nhiều thông tin có giá trị của người dân về việc phát giác các hành vi vi phạm. Do đó, kiến nghị cần phải cân nhắc trong việc xem xét các loại tố cáo giúp các cơ quan giải quyết tố cáo giải quyết, xử lý kịp thời người có hành vi vi phạm pháp luật, góp phần giữ vững ổn định, trật tự an toàn xã hội và làm trong sạch bộ máy nhà nước.

+ Về thụ lý tố cáo: Luật Khiếu nại, tố cáo chưa quy định về hình thức văn bản ghi nhận việc thụ lý tố cáo và các điền kiện thụ lý tố cáo như hình thức tố cáo, các bằng chứng kèm theo để chứng minh cho nội dung tố cáo. Điều này gây khó khăn cho công tác xác minh, kết luận và xử lý trách nhiệm sau này. Thực tế hiện nay có nhiều tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật đã diễn ra từ lâu, không còn tính nguy hiểm cho xã hội nhưng cơ quan nhà nước vẫn thụ lý và xem xét, giải quyết. Điều này gây tốn kém, lãng phí trong quá trình giải quyết tố cáo. Pháp luật hình sự và pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính có quy định về thời hiệu xử lý vi phạm hành chính, Do đó, cần phải nghiên cứu để có quy định cụ thể các điều kiện và thời hiệu tố cáo trong lĩnh vực hành chính.

+ Về thẩm tra, xác minh, kết luận nội dung tố cáo: Luật Khiếu nại, tố cáo chưa quy định cụ thể trình tự, thủ tục cũng như thẩm quyền của cơ quan thanh tra trong quá trình kiểm tra, xác minh các vụ việc tố cáo, gây khó khăn và không thống nhất trong quá trình thực hiện kiểm tra, xác minh các vụ tố cáo; trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong việc xem xét kiến nghị của cơ quan thanh tra, do đó nhiều kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra nhà nước chưa được thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước quan tâm đúng mức để xem xét, xử lý nghiêm minh người vi phạm.

+ Về xử lý các hành vi vi phạm: Việc xử lý tố cáo là công việc quan trọng trong quá trình giải quyết tố cáo. Tuy nhiên, Luật Khiếu nại, tố cáo chưa quy định cụ thể về việc xử lý tố cáo. Chưa xác định rõ quá trình xử lý tố cáo, người có trách nhiệm phải căn cứ vào kết quả xác minh, kết luận về nội dung tố cáo để tiến hành việc xử lý. Trong đó cần xác định rõ, nếu người bị tố cáo không vi phạm pháp luật, không vi phạm các quy định về nhiệm vụ, công vụ thì phải có kết luận rõ và thông báo bằng văn bản cho người bị tố cáo, cơ quan quản lý người bị tố cáo biết, đồng thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý người cố tình tố cáo sai sự thật. Trường hợp người bị tố cáo có vi phạm pháp luật hoặc vi phạm các quy định về nhiệm vụ, công vụ phải xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính thì xử lý theo thẩm

quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý, đồng thời áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để quyết định, kiến nghị xử lý được chấp hành nghiêm chỉnh. Trong trường hợp hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan Điều tra hoặc Viện kiểm sát để giải quyết.

Lý do:

- Về các biện pháp bảo vệ người tố cáo: Luật Khiếu nại, tố cáo chưa có biện pháp bảo vệ người tố cáo hữu hiệu khi họ bị đe dọa, trả thù, trù dập hoặc bị phân biệt đối xử; chưa có quy định về việc khen thưởng vật chất đối với người có công tố cáo và giải quyết tố cáo v v.. mới chỉ ghi nhận một số nguyên tắc chung bảo vệ người tố cáo, trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo vệ tính mạng, danh dự, sức khỏe cho người tố cáo.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa xác định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo mật những thông tin liên quan đến người tố cáo; chưa xác định rõ các biện pháp chế tài xử lý đối với người có thẩm quyền giải quyết tố cáo khi không giải quyết hoặc giải quyết thiếu tinh thần trách nhiệm và xử lý không nghiêm minh người vi phạm.

- Thẩm quyền giải quyết tố cáo: Nhằm đảm bảo tất cả thông tin tố cáo và các hành vi vi phạm đều phải được xem xét, xử lý triệt để thì cần phải có quy định cụ thể về thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với các cơ quan hành chính nhà nước và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan này. Hiện nay việc quy định thẩm quyền giải quyết tố cáo chủ yếu dựa trên sự phân cấp quản lý cán bộ là người bị tố cáo như vậy là chưa đầy đủ. Vì vậy, việc quy định về thẩm quyền nên quy định theo đối tượng có hành vi vi phạm, cụ thể như sau:

+ Trường hợp đối tượng bị tố cáo là công dân, cá nhân vi phạm trật tự quản lý hành chính thì thẩm quyền giải quyết thuộc về cơ quan có chức năng quản lý nhà nước lĩnh vực đó. Nếu hành vi vi phạm ở mức độ nhẹ thì bị xử lý vi phạm hành chính; nếu hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cho các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

+ Trường hợp đối tượng bị tố cáo là cán bộ, công chức nhưng hành vi bị tố cáo không liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì trước hết thẩm quyền giải quyết thuộc về cơ quan có chức năng quản lý nhà nước lĩnh vực đó. Sau khi xem xét, giải quyết và xử lý theo thẩm quyền thì thông báo cho cơ quan quản lý cán bộ đó biết để xử lý theo quy định của Luật cán bộ, công chức. Nếu người đó là đảng viên thì còn bị xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của Điệu lệ Đảng.

+ Trường hợp đối tượng bị tố cáo là cán bộ, công chức và hành vi bị tố cáo liên quan đến quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ như hành vi tham ô, tham nhũng, lãng phí thì người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ có thẩm quyền giải quyết. Trường hợp cán bộ, công chức vi phạm là đảng viên thì còn bị xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Hình thức tiếp nhận tố cáo: Pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo cần đa dạng hóa hình thức tiếp nhận tố cáo cho phù hợp với tình hình thực tiễn công tác giải quyết tố cáo và sự phát triển của khoa học công nghệ, theo đó cần quy định về việc tiếp nhận tố cáo qua điện thoại và qua mạng thông tin Internet. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khách quan, đề cao trách nhiệm của công dân khi sử dụng các hình thức tố cáo này, làm cơ sở thuận lợi cho các cơ quan nhà nước trong việc tiếp nhận, xử lý và giải quyết thì pháp luật cần có quy định chặt chẽ về việc tố cáo qua điện thoại, qua mạng và thủ tục xử lý đối với loại tố cáo này, cụ thể: người tố cáo phải cung cấp được những chứng cứ có liên quan đến nội dung tố cáo. Về phía cơ quan tiếp nhận, xử lý tố cáo phải có hòm thư riêng và bảo đảm an toàn, bí mật tuyệt đối cho người tố cáo.

Bên cạnh đó, đứng trước yêu cầu bảo vệ lợi ích công, phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và để đảm bảo cơ quan nhà nước có thẩm quyền có điều kiện tiếp cận mọi nguồn thông tin làm cơ sở phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm thì pháp luật cần ghi nhận hình thức tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ. Tuy nhiên, để hạn chế những mặt tiêu cực của hình thức tố cáo này đem lại thì pháp luật phải quy định cụ thể những trường hợp tố cáo nặc danh nhưng nội dung đơn tố cáo rõ ràng, người tố cáo cung cấp được những chứng cứ xác thực, có cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xác minh thì đủ điều kiện để thụ lý giải quyết. Với việc ghi nhận quyền được tố cáo không cần nêu họ, tên, địa chỉ như trên thì pháp luật đã một mặt khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho mọi tầng lớp nhân dân và có biện pháp xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật. Mặt khác, ghi nhận hình thức tố cáo này sẽ loại trừ được tình trạng tố cáo mạo danh của một số cá nhân muốn bôi nhọ, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của người khác, cố tình làm lệch hướng thông tin, gây rất nhiều khó khăn cho cơ quan giải quyết tố cáo như hiện nay.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Kiến nghị Quốc hội bổ sung thêm một điều tại mục 2, Chương IV Luật Khiếu nại, tố cáo quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo với từng đối tượng cụ thể.

- Bổ sung thêm một điều tại mục 3, Chương IV về hình thức tiếp nhận tố cáo qua điện thoại và qua mạng thông tin Internet.

4. Thủ tục Tiếp công dân - mã số hồ sơ: 027877

4.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bãi bỏ thủ tục tiếp công dân.

Lý do:

Đây là một công đoạn trước khi tiếp nhận hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng thẩm quyền không cần thiết phát sinh thủ tục hành chính này.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

+ Bãi bỏ thủ tục tiếp công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra thành phố đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4359/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2009.

+ Thống nhất thay thế tên gọi thủ tục là "Thủ tục tiếp công dân và xử lý đơn".

+ Thanh tra Chính phủ cần sớm tham mưu cho Chính phủ ban hành 01 Nghị định mới để thay thế Nghị định số 89/CP ngày 07 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế tiếp công dân cho phù hợp tình hình hiện nay.

+ Sửa đổi tiêu đề Chương V Luật Khiếu nại, tố cáo là "Tiếp công dân và xử lý đơn" và bổ sung quy định chi tiết về công tác tiếp công dân và xử lý đơn nhằm hoàn thiện hệ thống, tránh sự trùng lắp, chồng chéo trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo; tạo điều kiện thuận lợi cho công dân khiếu nại đến trình bày tâm tư, nguyện vọng cũng như gửi đơn khiếu nại, tố cáo theo quy định và giải quyết kịp thời, nhanh chóng những yêu cầu, bức xúc của công dân.

+ Bổ sung 01 Điều vào Chương V Luật Khiếu nại, tố cáo về công tác tiếp công dân và xử lý đơn.

+ Sửa đổi tiêu đề Chương IV là "Việc tiếp công dân và xử lý đơn thư", bổ sung những quy định có liên quan trong việc giải quyết việc xử lý đơn thư vào nội dung tiếp công dân được quy định tại Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo.

5. Thủ tục Xử lý đơn thư - mã số hồ sơ: 027941

5.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bãi bỏ thủ tục xử lý đơn thư.

Lý do:

Đây là một công đoạn phân loại đơn trong quy trình tiếp nhận để giải quyết khiếu nại, tố cáo mà không cần thiết phát sinh thủ tục hành chính này.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

+ Bãi bỏ việc công bố thủ tục xử lý đơn tại Quyết định số 4359/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra thành phố.

+ Thống nhất thay thế tên gọi thủ tục là "Thủ tục tiếp công dân và xử lý đơn".

+ Sửa đổi tiêu đề Chương V Luật Khiếu nại, tố cáo là "Tiếp công dân và xử lý đơn" và bổ sung quy định chi tiết về công tác tiếp công dân và xử lý đơn nhằm hoàn thiện hệ thống, tránh sự trùng lắp, chồng chéo trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo; tạo điều kiện thuận lợi cho công dân khiếu nại đến trình bày tâm tư, nguyện vọng cũng như gửi đơn khiếu nại, tố cáo theo quy định và giải quyết kịp thời, nhanh chóng những yêu cầu, bức xúc của công dân.

+ Bổ sung 01 Điều vào Chương V Luật Khiếu nại, tố cáo về công tác tiếp công dân và xử lý đơn.

+ Sửa đổi tiêu đề Chương IV là "Việc tiếp công dân và xử lý đơn", bổ sung những quy định có liên quan trong việc giải quyết việc xử lý đơn thư vào nội dung tiếp công dân được quy định tại Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo.

IV. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ

1. Thủ tục Cấp giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ - mã số hồ sơ: 009507

1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung:

1. Bổ sung, sửa đổi khoản 2 "Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ" gồm:

- Bổ sung quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ".

- Bãi bỏ bản sao "Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ" đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do cơ quan đăng kiểm vì thực tế là không cần thiết cho việc thực hiện thủ tục cấp "Giấy chứng nhận vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ".

- Sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể "Bản sao các giấy tờ cần thiết đảm bảo phương tiện được phép lưu hành theo quy định của pháp luật (khi nộp hồ sơ phải có bản chính để đối chiếu)" trong các loại giấy tờ Tại điểm a khoản 2 Mục VIII Thông tư số 04/2004 TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an để tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi xác định các loại giấy tờ cần phải nộp cho cơ quan giải quyết thủ tục.

- Bổ sung quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

- Bổ sung quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính không quá 02 ngày làm việc.

2. Bỏ thông tin về "số tài khoản …….. tại ngân hàng" trong mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm (PC8), vì những nội dung này không cần thiết cho quá trình giải quyết thủ tục; đảm bảo bí mật về thông tin cá nhân, tổ chức liên quan đến tài chính.

3. Bổ sung hướng dẫn thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 12 "Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới" Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định: "Có phương tiện chữa cháy phù hợp với yêu cầu tính chất, đặc điểm của phương tiện, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Bộ Công an và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy" nhưng cho đến nay, cơ quan nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện.

4. Bổ sung quy định chi tiết về tiêu chuẩn thiết kế phòng cháy và chữa cháy tại khoản 2, 3, 4 Điều 13 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ

yêu cầu phòng cháy và chữa cháy khi lập quy hoạch, dự án xây dựng mới hoặc cải tạo đô thị, khu dân cư, đặc khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, Khu Công nghệ cao vì đây là những yêu cầu mang tính định lượng nhưng nhưng cho đến nay, cơ quan chức năng vẫn chưa ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện.

Lý do:

Tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy quy định: "Phương tiện giao thông cơ giới khi vận chuyển các chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, 2, 3, 4 và 9 quy định tại Phụ lục số 1 Nghị định số 13/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ phải có "Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ" do Bộ Công an cấp. Bộ Công an quy định cụ thể mẫu, thủ tục và thẩm quyền cấp "Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ".

Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Bộ Công an tại khoản 1 Mục VIII Thông tư số 04/2004 TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy chưa hướng dẫn về trình tự thực hiện, số lượng hồ sơ cần nộp và thời hạn giải quyết thủ tục này.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Bổ sung, sửa đổi tại khoản 2 "Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ" Mục VIII Thông tư số 04/2004 TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy quy định cụ thể như sau:

(a) Chủ cơ sở hoặc người đại diện phương tiện giao thông cơ giới khi vận chuyển các chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, 2, 3, 4 và 9 quy định tại Phụ lục số 1 Nghị định số 13/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ đến nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ tại cơ quan Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy theo quy định. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm xem xét cấp giấy phép vận chuyển; trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép thì cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy phải thông báo rõ lý do cho chủ phương tiện biết".

(b) Sửa đổi thành phần hồ sơ cấp "Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ", gồm:

- Đơn đề nghị cấp "Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ" (mẫu PC8);

- Biên bản kiểm tra điều kiện về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện cơ giới đường thủy, đường sắt;

- Bản sao Hợp đồng cung ứng hoặc hợp đồng vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ;

- Bản sao Giấy phép lái xe của người vận chuyển còn giá trị; Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy của người lái xe, người áp tải; Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện; (khi nộp hồ sơ phải có bản chính để đối chiếu).

(c) Sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ tại điểm b khoản 2 Mục VIII Thông tư số 04/2004 TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an, cụ thể: "Thời gian giải quyết không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định".

(d) Thời hạn "Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ giữ nguyên quy định tại điểm c khoản 2.

2. Bãi bỏ bản sao "Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ" đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do cơ quan đăng kiểm cấp tại điểm a khoản 2 Mục VIII Thông tư số 04/2004 TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an.

3. Bổ sung quy định cụ thể bản sao những giấy tờ cần thiết tại điểm a khoản 2 Mục VIII Thông tư số 04/2004 TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an.

4. Bổ sung quy định cụ thể về trang bị phương tiện chữa cháy đối với các phương tiện giao thông cơ giới khi tham gia vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ tại điểm d, khoản 1, Điều 12 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ.

5. Bổ sung quy định chi tiết về tiêu chuẩn thiết kế phòng cháy và chữa cháy tại khoản 2, 3, 4 Điều 13 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ.

2. Thủ tục Cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp - mã số hồ sơ: 009416

2.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung:

- Bổ sung quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp".

- Bổ sung quy định cụ thể và chi tiết các loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ phải nộp.

- Bổ sung quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

- Bổ sung quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính không quá 02 ngày làm việc.

Lý do:

- Tại khoản 1 Mục VIII Thông tư số 04/2004 TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng và cháy chữa cháy quy định: "Riêng việc cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và chất nổ thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn" nhưng không có quy định cụ thể về trình tự, hồ sơ (thành phần, số lượng hồ sơ), thời gian giải quyết để cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

- Tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp quy định trách nhiệm của Bộ Công an: ".....Kiểm tra, cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ" đã có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2009 nhưng cho đến nay, Bộ Công an chưa ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Ban hành văn bản khác thay thế Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an và bổ sung quy định chi tiết việc thực hiện thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp để đảm bảo thực hiện nhất quán quy định tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp, đã có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2009.

2. Bổ sung quy định trình tự thực hiện trong văn bản thay thế, cụ thể: "Đại diện tổ chức có phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp nộp hồ sơ tại Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm xem xét cấp giấy phép vận chuyển; trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép thì cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy phải thông báo rõ lý do cho tổ chức có phương tiện biết".

3. Quy định chi tiết thành phần hồ sơ cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, gồm:

+ Giấy giới thiệu của cơ quan do thủ trưởng đơn vị ký.

+ Giấy chứng minh nhân dân của người lái xe và người áp tải.

+ Giấy đăng ký vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, trong đó ghi rõ họ tên người áp tải, người điều khiển phương tiện, biển số phương tiện, tuyến đường đi, thời gian và số lượng vật liệu nổ công nghiệp cần vận chuyển.

+ Lý lịch của người áp tải và người điều khiển phương tiện hay giấy giới thiệu của Thủ trưởng đơn vị hoặc của Công an xã, phường, thị trấn về lý lịch, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm.

+ Bản sao Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, Chứng chỉ đã được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động có liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp của người áp tải và điều khiển phương tiện.

+ Bản sao Giấy đăng ký, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, giấy bảo hiểm còn trong thời hạn, giấy cam đoan bảo đảm điều kiện an toàn vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

+ Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc giấy chứng nhận vị trí sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có chứng thực).

+ Lệnh xuất kho hoặc giấy báo hàng.

+ Biên bản kiểm tra điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp (trừ trường hợp phương tiện chuyên dùng vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đã được kiểm tra và cấp giấy theo thời hạn).

4. Bổ sung quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

5. Bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ cấp Giấp phép vận chuyển vật liệu nổ công

nghiệp không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định".

6. Các văn bản liên quan đến thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cần sửa đổi, bổ sung, như sau:

- Thay thế Thông tư số 04/2004 TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an để đảm bảo việc hướng dẫn nhất quán theo quy định Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp để bổ sung hướng dẫn việc thực hiện thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

- Bổ sung "Điều kiện hoạt động vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp" được quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; "Điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới" quy định tại khoản 1, Điều 12 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ vào thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tại Quyết định số 3091/QĐ-BCA-V11 ngày 07/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an và Quyết định số 4260/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyết giải quyết của Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy - mã số hồ sơ 156906

3.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung:

- Trình tự thực hiện.

- Hồ sơ (thành phần, số lượng hồ sơ).

- Thời gian giải quyết thủ tục.

- Bổ sung quy định về lệ phí khi thực hiện thủ tục.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục XVII Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an để đảm bảo nhất quán trong hướng dẫn thực hiện theo quy định Điều 34 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ.

Lý do:

- Tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng và cháy chữa cháy quy định: "Bộ Công an hướng dẫn chi tiết chương trình và nội dung, thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy; quy định cụ thể việc cấp và mẫu "Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy" và tổ chức bồi dưỡng theo nội dung, chương trình cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này", tuy nhiên tại khoản 4 Mục XVII Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an chưa hướng dẫn chi tiết về trình tự, hồ sơ, thời gian giải quyết để cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy.

- Tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định "Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành"; tại khoản 1 Mục XVII Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an hướng dẫn đối tượng huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy chưa nhất quán với quy định tại nghị định nêu trên.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Bổ sung quy định chi tiết tại khoản 4 Mục XVII Thông tư số 04/2004 TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an, cụ thể như sau:

- Quy định về trình tự thực hiện gồm nội dung: "Đại diện cơ quan, tổ chức lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đến nộp hồ sơ tại Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy để đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy ".

- Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy, gồm:

+ Văn bản đề nghị huấn luyện và cấp "Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC".

+ Kế hoạch huấn luyện, trong đó thể hiện rõ nội dung huấn luyện, thời gian, đối tượng huấn luyện do người đứng đầu cơ quan tổ chức lập.

+ Danh sách đối tượng đề nghị được huấn luyện và cấp "Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC".

+ Kết quả kiểm tra cuối khóa của các đối tượng tham gia lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC.

- Quy định số lượng hồ sơ là 01 bộ.

- Quy định về thời gian cấp Giấy chứng nhận huấn luyện không quá 03 ngày làm việc sau khi có kết quả kiểm tra cuối khóa đạt yêu cầu.

2. Kiến nghị Bộ Công an phối hợp với Bộ Tài chính bổ sung mức thu phí, lệ phí cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy tại Mục XVII Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an.

4. Thủ tục Phê duyệt phương án chữa cháy - mã số hồ sơ: 156914

4.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung:

- Trình tự thực hiện thủ tục hành chính.

- Hồ sơ (thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ).

- Thời giải quyết thủ tục hành chính.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 22 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ; Mục XIV Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an.

Lý do:

Điều 22 "Phương án chữa cháy" tại Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Mục XIV Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an chưa hướng dẫn chi tiết về trình tự, hồ sơ về phê duyệt phương án chữa cháy.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Bổ sung nội dung tại khoản 1 Mục XIV Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an về hướng dẫn thực hiện thủ tục "Phê duyệt phương án chữa cháy" như sau:

a) Về trình tự thực hiện: "Đại diện cơ quan, tổ chức (đối tượng phải xây dựng Phương án chữa cháy có sử dụng lực lượng, phương tiện của nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương theo quy định tại khoản 2, Điều 22 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy) đến nộp hồ sơ tại Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy".

b) Hồ sơ Phê duyệt phương án phòng cháy và chữa cháy, gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án chữa cháy.

- Phương án chữa cháy.

c) Quy định số lượng hồ sơ là 02 bộ (trong đó đơn vị lưu 01 bộ; cơ quan giải quyết 01 bộ).

2. Sửa đổi, điều chỉnh thời hạn giải quyết phê duyệt Phương án chữa cháy tại khoản 2 Mục XIV Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an nội dung như sau: "Đối với phương án chữa cháy thuộc thẩm quyền phê duyệt của Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, Giám đốc Công an cấp tỉnh, thành phố không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định".

V. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO

1. Thủ tục Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư - mã số hồ sơ: 020229

1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh số lượng hồ sơ: Giảm số lượng hồ sơ cho nhà đầu tư xuống còn 01 bộ gốc và 01 bộ sao.

Lý do:

Theo quy định hiện nay về số lượng hồ sơ thì ngoài 01 bộ gốc, 03 bộ sao là quá nhiều.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Thủ tục Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư - mã số hồ sơ: 022833

2.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bổ sung thêm ngôn ngữ tiếng Anh và cách thức tiếp cận Trực tiếp tại cơ quan Hành chính nhà nước (HCNN) có thẩm quyền, In từ cơ sở dữ liệu quốc gia về Thủ tục hành chính (TTHC), In từ trang web của cơ quan HCNN có thẩm quyền).

Lý do:

Hiện tại mẫu tờ khai chỉ thể hiện bằng tiếng Việt nên có hạn chế về sự tiếp cận cho nhà đầu tư, đề nghị mẫu đơn nên có 02 thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh) để nhà đầu tư hiểu và khai chính xác. Mặt khác, mẫu tờ khai rất khó tiếp cận.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Thủ tục Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện - mã số hồ sơ: 024770

3.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh số lượng và thành phần hồ sơ: Giảm số lượng hồ sơ cho nhà đầu tư xuống còn 01 bộ gốc và 01 bộ sao, ngoài ra nếu dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ thì thành phần hồ sơ còn có thêm: Bản sao quyết định của Thủ tướng đồng ý về nguyên tắc cho phép dự án được triển khai tại Khu Công nghệ cao (KCNC) TP HCM; Bản sao quyết định của UBND thành phố đồng ý cho phép dự án được triển khai tại KCNC TP HCM.

Lý do:

Theo quy định hiện nay về số lượng hồ sơ thì ngoài 01 bộ gốc, 03 bộ sao là quá nhiều, ngoài ra nếu dự án thuộc diện chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ thì cần bổ sung thêm các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

b) Điều chỉnh tên gọi TTHC: "cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện".

Lý do:

Để phù hợp với thực tế thực hiện tại KCNC, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư.

c) Bổ sung thêm ngôn ngữ tiếng Anh và cách thức tiếp cận (Trực tiếp tại cơ quan HCNN có thẩm quyền, In từ cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, In từ trang web của cơ quan HCNN có thẩm quyền).

Lý do:

Hiện tại mẫu tờ khai chỉ thể hiện bằng tiếng Việt nên có hạn chế về sự tiếp cận cho nhà đầu tư, đề nghị mẫu đơn nên có 02 thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh) để nhà đầu tư hiểu và khai chính xác. Mặt khác, mẫu tờ khai rất khó tiếp cận.

d) Điều chỉnh lại yêu cầu điều kiện khi thực hiện TTHC.

- Bổ sung mẫu văn bản chỉ rõ các điều kiện cần đáp ứng để được đầu tư vào các lĩnh vực này.

- Bỏ bản giải trình kinh tế kỹ thuật.

Lý do:

- Thực tế các dự án khi đầu tư vào KCNC đều phải thông qua bước giải trình công nghệ để xác định dự án có phải là dự án CNC hay không, không có dự án nào chỉ đăng ký đầu tư mà không phải thẩm tra.

- Ngoài ra biểu mẫu Giải trình kinh tế kỹ thuật dùng để thẩm tra năng lực kỹ thuật và tài chính của dự án thì không còn hiệu lực và BQL KCNC đang dùng biểu mẫu giải trình công nghệ để thẩm tra tất cả các dự án. Đối với dự án trên 300 tỷ sẽ yêu cầu cung cấp thông tin cả hai phần công nghệ và kinh tế, đối với dự án dưới 300 tỷ sẽ cung cấp thông tin phần công nghệ.

- Các điều kiện về tổng chi R&D và lao động R&D không thực tế, không kiểm tra được. Chỉ là cam kết. Hơn nữa tổng chi R&D tối thiểu 1% doanh thu của dự án không xác định rõ là doanh thu thuần hay ròng, đã khấu trừ các chi phí hợp lý chưa. Nếu là doanh thu chưa khấu trừ thì 1% là rất lớn.

- Thủ tục hành chính này yêu cầu nhà đầu tư phải nộp bản đáp ứng điều kiện do đầu tư vào lĩnh vực có điều kiện nhưng không có hướng dẫn để làm văn bản này.

- Khu Công nghệ cao TP.HCM có bản giải trình công nghệ có thay thế phần giải trình kỹ thuật của bản Giải trình KTKT. Phần giải trình kinh tế của bản Giải trình KTKT mang nặng tính chủ quan và không thể hiện được khả năng tài chính của dự án.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Điều 47 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Phụ lục I-1 ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục tại Việt Nam.

- Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao

4. Thủ tục Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện - mã số hồ sơ: 024792

4.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Điều chỉnh tên gọi TTHC như sau: "Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện".

Lý do:

Để phù hợp với thực tế thực hiện tại KCNC, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư khi đầu tư vào KCNC.

b) Giảm số lượng hồ sơ cho nhà đầu tư xuống còn 01 bộ gốc và 01 bộ sao.

Lý do:

Theo quy định hiện nay thì số lượng hồ sơ ngoài 01 bộ gốc, 03 bộ sao là quá nhiều.

c) Bổ sung thêm ngôn ngữ tiếng Anh và cách thức tiếp cận (Trực tiếp tại cơ quan HCNN có thẩm quyền, In từ cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, In từ trang web của cơ quan HCNN có thẩm quyền).

Lý do:

Hiện tại mẫu tờ khai chỉ thể hiện bằng tiếng Việt nên có hạn chế về mặt cách hiểu cho nhà đầu tư, mẫu đơn nên có 02 thứ tiếng để nhà đầu tư hiểu và khai chính xác. Đồng thời mẫu tờ khai rất khó tiếp cận.

d) Điều chỉnh lại yêu cầu điều kiện khi thực hiện TTHC: Cần nêu rõ là 1% là từ doanh thu đã khấu trừ chi phí hợp lý và nên có lộ trình trong vòng 3 đến 5 năm.

Bỏ bản giải trình kinh tế kỹ thuật và áp dụng bản giải trình công nghệ mà KCNC đang áp dụng.

Lý do:

- Các điều kiện về tổng chi R&D và lao động R&D không thực tế, không kiểm tra được. Chỉ là cam kết. Hơn nữa tổng chi R&D tối thiểu 1% doanh thu của dự án không xác định rõ là doanh thu thuần hay ròng, đã khấu trừ các chi phí hợp lý chưa. Nếu là doanh thu chưa khấu trừ thì 1% là rất lớn.

- Thực tế các dự án khi đầu tư vào KCNC đều phải thông qua bước giải trình công nghệ để xác định dự án có phải là dự án CNC hay không, không có dự án nào chỉ đăng ký đầu tư mà không phải thẩm tra.

- Ngoài ra biểu mẫu Giải trình kinh tế kỹ thuật dùng để thẩm tra năng lực kỹ thuật và tài chính của dự án thì không còn hiệu lực và BQL KCNC đang dùng biểu mẫu giải trình công nghệ để thẩm tra tất cả các dự án. Đối với dự án trên 300 tỷ sẽ yêu cầu cung cấp thông tin cả hai phần công nghệ và kinh tế, đối với dự án dưới 300 tỷ sẽ cung cấp thông tin phần công nghệ.

- Khu CNC TP.HCM có bản giải trình công nghệ có thay thế phần giải trình kỹ thuật của bản Giải trình KTKT. Phần giải trình kinh tế của bản Giải trình KTKT mang nặng tính chủ quan và không thể hiện được khả năng tài chính của dự án.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Phụ lục I-1 ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục tại Việt Nam.

- Điều 54 và 55 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

5. Thủ tục Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lạp chi nhánh - mã số hồ sơ: 018937

5.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Đổi tên gọi TTHC này lại như sau: "cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh".

Lý do:

Điều chỉnh tên gọi TTHC cho phù hợp với thực tế thực hiện tại KCNC.

b) Điều chỉnh số lượng và thành phần hồ sơ: Giảm số lượng hồ sơ cho nhà đầu tư xuống còn 01 bộ gốc và 01 bộ sao, Ngoài ra nếu dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ thì thành phần hồ sơ còn có thêm: Bản sao quyết định của Thủ tướng đồng ý về nguyên tắc cho phép dự án được triển khai tại KCNC TP HCM; Bản sao quyết định của UBND TP đồng ý cho phép dự án được triển khai tại KCNC TP HCM.

Lý do:

Theo quy định hiện nay thì số lượng hồ sơ ngoài 01 bộ gốc, 03 bộ sao là quá nhiều, ngoài ra nếu dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ thì thành phần hồ sơ còn cần phải có thêm các văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

c) Bổ sung thêm ngôn ngữ tiếng Anh và cách thức tiếp cận (Trực tiếp tại cơ quan HCNN có thẩm quyền, In từ cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, In từ trang web của cơ quan HCNN có thẩm quyền).

Lý do:

Hiện tại mẫu tờ khai chỉ thể hiện bằng tiếng Việt nên có hạn chế về mặt cách hiểu cho nhà đầu tư, mẫu đơn nên có 02 thứ tiếng để nhà đầu tư hiểu và khai chính xác. Đồng thời mẫu tờ khai rất khó tiếp cận.

d) Bổ sung hướng dẫn thực hiện bản đáp ứng điều kiện đầu tư: Đối với các lĩnh vực đầu tư có điều kiện, cần có mẫu văn bản chỉ rõ các điều kiện cần đáp ứng để được đầu tư vào các lĩnh vực này.

Điều chỉnh lại yêu cầu điều kiện khi thực hiện TTHC: Cần nêu rõ là 1% là từ doanh thu đã khấu trừ chi phí hợp lý và nên có lộ trình trong vòng 3 đến 5 năm.

Lý do:

- Thực tế các dự án khi đầu tư vào KCNC đều phải thông qua bước giải trình công nghệ để xác định dự án có phải là dự án Công nghệ cao hay không, không có dự án nào chỉ đăng ký đầu tư mà không phải thẩm tra.

- Ngoài ra biểu mẫu Giải trình kinh tế kỹ thuật dùng để thẩm tra năng lực kỹ thuật và tài chính của dự án thì không còn hiệu lực và BQL KCNC đang dùng biểu mẫu giải trình công nghệ để thẩm tra tất cả các dự án. Đối với dự án trên 300 tỷ sẽ yêu cầu cung cấp thông tin cả hai phần công nghệ và kinh tế, đối với dự án dưới 300 tỷ sẽ cung cấp thông tin phần công nghệ.

- Thủ tục hành chính này yêu cầu nhà đầu tư phải nộp bản đáp ứng điều kiện do đầu tư vào lĩnh vực có điều kiện nhưng không có hướng dẫn để làm văn bản này.

- Các điều kiện về tổng chi R&D và lao động R&D không thực tế, không kiểm tra được, chỉ là cam kết. Hơn nữa tổng chi R&D tối thiểu 1% doanh thu của dự án không xác định rõ là doanh thu thuần hay ròng, đã khấu trừ các chi phí hợp lý chưa. Nếu là doanh thu chưa khấu trừ thì 1% là rất lớn.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Phụ lục I-2 ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục tại Việt Nam.

- Điều 54 và 55 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

6. Thủ tục Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh - mã số hồ sơ: 018941

6.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Điều chỉnh tên gọi TTHC như sau: "cấp giấy chứng nhận đầu đối với các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh".

Lý do:

Để phù hợp với thực tế thực hiện tại KCNC, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

b) Giảm số lượng hồ sơ cho nhà đầu tư xuống còn 01 bộ gốc và 01 bộ sao.

Lý do:

Theo quy định hiện nay thì số lượng hồ sơ ngoài 01 bộ gốc, 03 bộ sao là quá nhiều.

c) Bổ sung thêm ngôn ngữ tiếng Anh và cách thức tiếp cận (Trực tiếp tại cơ quan HCNN có thẩm quyền, In từ cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, In từ trang web của cơ quan HCNN có thẩm quyền).

Lý do:

Hiện tại mẫu tờ khai chỉ để bằng tiếng Việt nên có hạn chế về cách hiểu cho nhà đầu tư, mẫu đơn vẫn có 02 thứ tiếng để nhà đầu tư hiểu và khai chính xác. Đồng thời mẫu tờ khai rất khó tiếp cận.

d) Điều chỉnh lại yêu cầu điều kiện khi thực hiện TTHC: Cần nêu rõ là 1% là từ doanh thu đã khấu trừ chi phí hợp lý và nên có lộ trình trong vòng 3 đến 5 năm. Bỏ bản giải trình kinh tế kỹ thuật trong thành phần hồ sơ: Áp dụng bản giải trình công nghệ mà KCNC vẫn áp dụng để thay cho bản giải trình kinh tế kỹ thuật.

Lý do:

- Thực tế các dự án khi đầu tư vào KCNC đều phải thông qua bước giải trình công nghệ để xác định dự án có phải là dự án CNC hay không, không có dự án nào chỉ đăng ký đầu tư mà không phải thẩm tra.

- Ngoài ra biểu mẫu Giải trình kinh tế kỹ thuật dùng để thẩm tra năng lực kỹ thuật và tài chính của dự án thì không còn hiệu lực và BQL KCNC đang dùng biểu mẫu giải trình công nghệ để thẩm tra tất cả các dự án. Đối với dự án trên 300 tỷ sẽ yêu cầu cung cấp thông tin cả hai phần công nghệ và kinh tế, đối với dự án dưới 300 tỷ sẽ cung cấp thông tin phần công nghệ.

- Hiện tại mẫu tờ khai chỉ để bằng tiếng Việt nên có hạn chế về cách hiểu cho nhà đầu tư, mẫu đơn vẫn có 02 thứ tiếng để nhà đầu tư hiểu và khai chính xác. Đồng thời mẫu tờ khai rất khó tiếp cận.

- Các điều kiện về tổng chi R&D và lao động R&D không thực tế, không kiểm tra được. Chỉ là cam kết. Hơn nữa tổng chi R&D tối thiểu 1% doanh thu của dự án

không xác định rõ là doanh thu thuần hay ròng, đã khấu trừ các chi phí hợp lý chưa. Nếu là doanh thu chưa khấu trừ thì 1% là rất lớn.

- Khu Công nghệ cao TP.HCM có bản giải trình công nghệ có thay thế phần giải trình kỹ thuật của bản Giải trình KTKT. Phần giải trình kinh tế của bản Giải trình KTKT mang nặng tính chủ quan và không thể hiện được khả năng tài chính của dự án.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Phụ lục I-2 ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006.của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục tại Việt Nam.

- Điều 54 và 55 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

7. Thủ tục Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 018915

7.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Điều chỉnh tên gọi TTHC như sau: "cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp".

Lý do:

Để phù hợp với thực tế thực hiện tại KCNC và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

b) Giảm số lượng hồ sơ cho nhà đầu tư xuống còn 01 bộ gốc và 01 bộ sao.

Lý do:

Theo quy định hiện nay thì số lượng hồ sơ ngoài 01 bộ gốc, 03 bộ sao là quá nhiều.

c) Bổ sung thêm ngôn ngữ tiếng Anh và cách thức tiếp cận (Trực tiếp tại cơ quan HCNN có thẩm quyền, In từ cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, In từ trang web

của cơ quan HCNN có thẩm quyền).

Lý do:

Hiện tại mẫu tờ khai chỉ thể hiện bằng tiếng Việt nên có hạn chế về cách hiểu cho nhà đầu tư, mẫu đơn vẫn nên có 02 thứ tiếng để nhà đầu tư hiểu và khai chính xác. Đồng thời mẫu tờ khai rất khó tiếp cận.

d) Điều chỉnh lại yêu cầu điều kiện khi thực hiện TTHC. Cần nêu rõ là 1% là từ doanh thu đã khấu trừ chi phí hợp lý và nên có lộ trình trong vòng 3 đến 5 năm.

Bỏ Bản giải trình kinh tế kỹ thuật. Áp dụng bản giải trình công nghệ mà KCNC vẫn đang áp dụng.

Lý do:

- Thực tế các dự án khi đầu tư vào KCNC đều phải thông qua bước giải trình công nghệ để xác định dự án có phải là dự án CNC hay không, không có dự án nào chỉ đăng ký đầu tư mà không phải thẩm tra.

- Ngoài ra biểu mẫu Giải trình kinh tế kỹ thuật dùng để thẩm tra năng lực kỹ thuật và tài chính của dự án thì không còn hiệu lực và BQL KCNC đang dùng biểu mẫu giải trình công nghệ để thẩm tra tất cả các dự án. Đối với dự án trên 300 tỷ sẽ yêu cầu cung cấp thông tin cả hai phần công nghệ và kinh tế, đối với dự án dưới 300 tỷ sẽ cung cấp thông tin phần công nghệ.

- Các điều kiện về tổng chi R&D và lao động R&D không thực tế, không kiểm tra được. Chỉ là cam kết. Hơn nữa tổng chi R&D tối thiểu 1% doanh thu của dự án không xác định rõ là doanh thu thuần hay ròng, đã khấu trừ các chi phí hợp lý chưa. Nếu là doanh thu chưa khấu trừ thì 1% là rất lớn.

- Khu CNC TP.HCM có bản giải trình công nghệ có thay thế phần giải trình kỹ thuật của bản Giải trình KTKT. Phần giải trình kinh tế của bản Giải trình KTKT mang nặng tính chủ quan và không thể hiện được khả năng tài chính của dự án.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Phụ lục I-3 ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục tại Việt Nam.

- Điều 54 và 55 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Phụ lục I-8, I-9, I-10 ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT. ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục tại Việt Nam.

- Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

8. Thủ tục Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 018926

8.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Giảm số lượng hồ sơ cho nhà đầu tư xuống còn 01 bộ gốc và 01 bộ sao, Ngoài ra nếu dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ thì thành phần hồ sơ còn có thêm: Bản sao quyết định của Thủ tướng đồng ý về nguyên tắc cho phép dự án được triển khai tại KCNC TP HCM; Bản sao quyết định của UBND TP đồng ý cho phép dự án được triển khai tại KCNC TP HCM.

Lý do:

Theo quy định hiện nay thì số lượng hồ sơ 01 bộ gốc và 03 bộ sao là quá nhiều, ngoài ra nếu dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ thì thành phần hồ sơ còn có thêm các văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

b) Bổ sung hướng dẫn thực hiện bản đáp ứng điều kiện đầu tư: Cần có mẫu văn bản chỉ rõ các điều kiện cần đáp ứng để được đầu tư vào các lĩnh vực này.

Lý do:

Thủ tục hành chính này yêu cầu nhà đầu tư phải nộp bản đáp ứng điều kiện do đầu tư vào lĩnh vực có điều kiện nhưng không có hướng dẫn để làm văn bản này.

c) Bổ sung thêm ngôn ngữ tiếng Anh và cách thức tiếp cận (Trực tiếp tại cơ quan HCNN có thẩm quyền, In từ cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, In từ trang web của cơ quan HCNN có thẩm quyền).

Lý do:

Hiện tại mẫu tờ khai chỉ thể hiện bằng tiếng Việt nên có hạn chế về cách hiểu cho nhà đầu tư, mẫu đơn vẫn nên có 02 thứ tiếng để nhà đầu tư hiểu và khai chính

xác. Đồng thời mẫu tờ khai rất khó tiếp cận.

d) Điều chỉnh lại yêu cầu điều kiện khi thực hiện TTHC: Cần nêu rõ là 1% là từ doanh thu đã khấu trừ chi phí hợp lý và nên có lộ trình trong vòng 3 đến 5 năm.

Lý do:

Các điều kiện về tổng chi R&D và lao động R&D không thực tế, không kiểm tra được. Chỉ là cam kết. Hơn nữa tổng chi R&D tối thiểu 1% doanh thu của dự án không xác định rõ là doanh thu thuần hay ròng, đã khấu trừ các chi phí hợp lý chưa. Nếu là doanh thu chưa khấu trừ thì 1% là rất lớn.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Phụ lục I-3, I-8, I-9, I-10 ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006.của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục tại Việt Nam.

- Điều 54 và 55 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

9. Thủ tục Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư - mã số hồ sơ: 018404

9.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Giảm số lượng hồ sơ mà nhà đầu tư phải chuẩn bị xuống còn 01 bộ gốc và 01 bộ bộ sao là phù hợp.

Lý do:

Theo quy định hiện nay thì số lượng hồ sơ nhà đầu tư phải chuẩn bị ngoài 01 bộ gốc, 03 bộ sao là quá nhiều.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

10. Thủ tục Đăng ký lại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư - mã số hồ sơ: 139583

10.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Giảm số lượng hồ sơ mà nhà đầu tư phải chuẩn bị xuống còn 01 bộ gốc và 01 bộ bộ sao là phù hợp.

Lý do:

Theo quy định hiện nay thì số lượng hồ sơ nhà đầu tư phải chuẩn bị ngoài 01 bộ gốc, 03 bộ sao là quá nhiều.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

11. Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài - mã số hồ sơ: 018303

11.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Bỏ phiếu đăng ký dự tuyển: Bỏ mẫu số 01 ban hành kèm Thông tư số 08/2008/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2008.

Lý do:

Thường doanh nghiệp tuyển dụng và có văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động theo mẫu số 04 do đó người lao động nước ngoài không cần thiết phải làm thêm mẫu này.

b) Kiến nghị sửa đổi phần thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đề nghị rút ngắn thời gian giải quyết TTHC và khoản thời gian phù hợp là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .

Lý do:

Thời gian này là tương đối dài, để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện các TTHC.

c) Kiến nghị điều chỉnh ngôn ngữ sử dụng trong đơn đề nghị cấp phép lao động cho người nước ngoài. Sử dụng hình thức song ngữ cả tiếng Anh và tiếng Việt.

Lý do:

Là công ty nước ngoài nên việc sử dụng đơn ngữ (tiếng Việt) rất bất lợi cho họ vì vậy cần thực hiện song ngữ là hợp lý.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Mẫu số 1 ban hành kèm Thông tư số 08/2008/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2008 của Bộ Lao động - Thương bình và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Điểm b khoản 5 Điều 9 Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Điểm b, khoản 6, Mục II Thông tư số 08/2008/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2008 của Bộ Lao động - Thương bình và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Mẫu số 4 ban hành kèm Thông tư số 08/2008/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2008 của Bộ Lao động - Thương bình và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về tuyển dụng và quản lý người nước ngòai làm việc tại Việt Nam.

12. Thủ tục Đăng ký thỏa ước lao động tập thể - mã số hồ sơ: 020406

12.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Đề nghị rút ngắn thời gian giải quyết TTHC và khoản thời gian phù hợp là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Thời gian này là tương đối dài, để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện các TTHC.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 3, Điều 5 Nghị định số 196-CP ngày 31/12/1994 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về thỏa ước lao động tập thể.

13. Thủ tục Thực hiện xác nhận các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất - mã số hồ sơ: 023173

13.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Để đảm bảo không bị chồng chéo với các yêu cầu, điều kiện trong các giao dịch dân sự khác nên bỏ yêu cầu "Phải bảo đảm các nguyên tắc giao kết hợp đồng hoặc xác lập văn bản theo quy định của pháp luật dân sự" đối với thủ tục này.

Lý do:

Đối với yêu cầu "Phải bảo đảm các nguyên tắc giao kết hợp đồng hoặc xác lập văn bản theo quy định của pháp luật dân sự": có sự chồng chéo với các nguyên tắc cơ bản trong Bộ luật dân sự năm 2005.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT- BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

14. Thủ tục Giao lại đất trong Khu Công nghệ cao - mã số hồ sơ: 018357

14.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh ủy quyền cho Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao giao lại đất, cho thuê đất trong Khu Công nghệ cao.

Lý do:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong Khu Công nghệ cao sau khi được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao giao lại đất hoặc cho thuê đất theo hợp đồng.

b) Bỏ phí in ấn, chỉ thu lệ phí (100.000 đồng) khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Lý do:

Vì chi phí in ấn phải có tính trong lệ phí cấp giấy.

c) Điều chỉnh thành phần hồ sơ:Thành phần hồ sơ hợp lý bao gồm: Đơn xin giao lại đất và bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

Lý do:

Thành phần hồ sơ không hợp lý.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

15. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình - mã số hồ sơ: 022529

15.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Phân cấp ủy quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình:

Đề nghị Ủy ban nhân dân Tp.HCM kiến nghị Chính phủ cho phép Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh ủy quyền Ban Quản lý Khu Công nghệ cao được thực hiện công việc này.

Lý do:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình trong Khu Công nghệ cao gắn liền với đất sau khi được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao giao lại đất hoặc cho thuê theo hợp đồng.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005 của Chính phủ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu công trình.

16. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 - mã số hồ sơ: 022426

16.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Rút ngắn thời gian thực hiện TTHC xuống còn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Tạo điều kiện thuận lợi cho Chủ đầu tư.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 28 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngya 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng.

17. Thủ tục Thẩm định công nghệ dự án đầu tư - mã số hồ sơ: 022807

17.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh ngôn ngữ của bản giải trình công nghệ (bản giải trình chi tiết nội dung): sử dụng hình thức song ngữ Anh - Việt.

Lý do:

Các nhà đầu tư vào Khu Công nghệ cao phần lớn là các nhà đầu tư nước ngoài.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Phụ lục 3 ban hành kèm Thông tư số 02/2001/TT-BKHCNMT ngày 15/12/2001

về việc hướng dẫn: tiêu chuẩn các dự án công nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất vật liệu mới, vật liệu quý hiếm, ứng dụng công nghệ mới về sinh học, công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông, xử lý ô nhiễm môi trường hoặc xử lý chế biến các chất thải thuộc dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư; các vấn đề liên quan đến báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc nhập khẩu máy móc đã qua sử dụng; đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

18. Thủ tục Báo cáo hoạt động dự án đầu tư - mã số hồ sơ: 018138

18.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Báo cáo hoạt động dự án đầu tư.

Lý do:

Doanh nghiệp chỉ cần báo cáo cho cơ quan quản lý bằng văn bản.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

19. Thủ tục Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư trong nước trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đầu tư (cấp cho trường hợp thực hiện dự án đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp) - mã số hồ sơ: 019755

19.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư trong nước trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đầu tư (cấp cho trường hợp thực hiện dự án đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Trong thực tế doanh nghiệp cần cơ quan quản lý nhà nước cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh nhằm mục đích có được văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý. Do đó khi các nhà đầu tư, đầu tư vào KCNC đều được cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nên các doanh nghiệp có thể áp dụng TTHC đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư để thay thế cho TTHC này.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

20. Thủ tục Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư trong nước trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh(cấp cho trường hợp thực hiện dự án đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp/hoặc chi nhánh) - mã số hồ sơ: 019903

20.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư trong nước trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh (cấp cho trường hợp thực hiện dự án đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp/hoặc chi nhánh).

Lý do:

Nhà đầu tư cần giấy chứng nhận đầu tư để được hưởng ưu đãi, do đó các nhà đầu tư có thể thực hiện TTHC đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư để thay thế cho TTHC này.

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

21. Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (dưới 300 tỷ đồng và có đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư) - mã số hồ sơ: 020912

21.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (dưới 300 tỷ đồng và có đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư).

Lý do:

Thực tế tại KCNC, TTHC này được thực hiện giống với TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện".

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

22. Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước không đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (15 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) - mã số hồ sơ: 021710

22.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước không đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (15 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).

Lý do:

Thực tế tại KCNC, TTHC này được thực hiện giống với TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện".

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

23. Thủ tục Giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư - mã số hồ sơ: 022374

23.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

Lý do:

Chủ đầu tư chỉ cần có văn bản thông báo.

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

24. Thủ tục Tạm ngừng thực hiện dự án đầu tư - mã số hồ sơ: 054480

24.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Tạm ngừng thực hiện dự án đầu tư.

Lý do:

Chủ đầu tư chỉ cần có văn bản thông báo.

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

25. Thủ tục Thanh lý dự án đầu tư - mã số hồ sơ: 022886

25.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thanh lý dự án đầu tư.

Lý do:

Nếu việc thanh lý dự án gắn liền với giải thể tổ chức kinh tế thì sẽ áp dụng giống như quy trình giải thể doanh nghiệp. Nếu việc thanh lý dự án không gắn liền với việc giải thể tổ chức kinh tế thì tổ chức đó tự thực hiện việc thanh lý và chỉ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về việc thanh lý xong để cơ quan quản lý nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đầu tư. Do đó việc đặt ra quy trình thanh lý là thừa.

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số

108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

26. Thủ tục Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện - mã số hồ sơ: 023290

26.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

Lý do:

Thực tế tại KCNC TTHC này được thực hiện giống với TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện".

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

27. Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài (áp dụng cho dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) - mã số hồ sơ: 018881

27.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài (áp dụng cho dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).

Lý do:

Thực tế thực hiện tại KCNC, TTHC này được thực hiện giống với TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp".

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

28. Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ - mã số hồ sơ: 018930

28.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Lý do:

Thực tế tại KCNC, TTHC này được thực hiện giống với TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp".

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

29. Thủ tục Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh - mã số hồ sơ: 018942

29.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh.

Lý do:

Thực tế tại KCNC, TTHC này được thực hiện giống với TTHC "thẩm tra cấp

giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh".

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

30. Thủ tục Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 018923

30.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp.

Lý do:

Thực tế tại KCNC, TTHC này được thực hiện giống với TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp".

30.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

31. Thủ tục Chuyển nhượng dự án đầu tư - mã số hồ sơ: 018322

31.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Chuyển nhượng dự án đầu tư.

Lý do:

Đối với các dự án trong Khu Công nghệ cao, việc chuyển nhượng dự án đầu tư được thực hiện theo thủ tục đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư.

31.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

32. Thủ tục Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án sau khi điều chỉnh thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ - mã số hồ sơ: 139605

32.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án sau khi điều chỉnh thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Lý do:

Nhà đầu tư có thể áp dụng Thủ tục Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư .

32.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

33. Thủ tục Chuyển đổi doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có từ hai chủ sở hữu trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên - mã số hồ sơ: 139446

33.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Chuyển đổi doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có từ hai chủ sở hữu trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Lý do:

Thủ tục này thuộc một phần trong thủ tục Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doang trong Giấy chứng nhận đầu tư nên chỉ cần thực hiện thủ tục Đăng ký điều

chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh khi doanh nghiệp muốn chuyển đổi doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có từ hai chủ sở hữu trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

33.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

34. Thủ tục Chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành Công ty cổ phần - mã số hồ sơ: 139611

34.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành Công ty cổ phần.

Lý do:

Thủ tục này thuộc một phần trong thủ tục Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư nên chỉ cần thực hiện thủ tục Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư khi Doanh nghiệp muốn chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành Công ty cổ phần.

34.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

35. Thủ tục Chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngòai do một tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài đầu tư thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 139516

35.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài do một tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài đầu tư thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Lý do:

Trong KCNC TTHC này tương tự TTHC đăng ký điều chỉnh dự án đấu tư, do đó nhà đầu tư có thể thực hiện TTHC đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư để thay thế cho TTHC này.

35.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

36. Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài gắn với thành lập chi nhánh (dự án đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) - mã số hồ sơ: 139598

36.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài gắn với thành lập chi nhánh (dự án đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).

Lý do:

Thực tế tại KCNC, TTHC này được thực hiện giống với TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh".

36.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

37. Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài gắn với thành lập doanh nghiệp (vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) - mã số hồ sơ: 139618

37.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài gắn với thành lập doanh nghiệp (vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).

Lý do:

Thực tế tại KCNC, TTHC này được thực hiện giống với TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh".

37.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

38. Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ gắn với thành lập chi nhánh - mã số hồ sơ: 139630

38.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ gắn với thành lập chi nhánh.

Lý do:

Thực tế tại KCNC, TTHC này được thực hiện giống với TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh".

38.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

39. Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án đầu tư dưới 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) - mã số hồ sơ: 139624

39.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án đầu tư dưới 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).

Lý do:

Thực tế tại KCNC, TTHC này thực hiện giống như TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp".

39.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

40. Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài gắn với thành lập doanh nghiệp (vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) - mã số hồ sơ: 139467

40.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài gắn với thành lập doanh nghiệp (vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).

Lý do:

Thực tế tại KCNC, TTHC này thực hiện giống như TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp".

40.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

41. Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ gắn với thành lập doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 139497

41.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ gắn với thành lập doanh nghiệp.

Lý do:

Thực tế tại KCNC, TTHC này được thực hiện giống với TTHC "thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp".

41.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

42. Thủ tục Đăng ký cấp sổ lao động - mã số hồ sơ: 018405

42.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký cấp sổ lao động.

Lý do:

Đối với cơ quan quản lý chỉ quản lý số lượng sổ cấp cho doanh nghiệp về quá trình làm việc của người lao động không nhất thiết phải quản lý, các quyền lợi của người lao động được hưởng sau này đã có cơ quan bảo hiểm thông qua sổ BHXH thanh toán. Ngoài ra việc đặt in sổ còn tốn kém, mất thời gian cho người lao động kê khai.

42.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003, về tuyển lao động.

- Thông tư số 18/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/1994, về việc hướng dẫn cấp, quản lý và sử dụng sổ lao động.

- Thông tư số 10/TT-BLĐTBXH ngày 22/5/1996 hướng dẫn việc cấp, quản lý và sử dụng sổ lao động.

43. Thủ tục Đăng ký thương nhân - mã số hồ sơ: 019386

43.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký thương nhân.

Lý do:

Theo Thông tư hướng dẫn Số 12/2009/TT-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2009 của Bộ Công Thương về thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN thay thế Quyết định số 19/2008/QĐ-BCT ngày 24/7/2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA): Việc Đăng ký hồ sơ Thương nhân chỉ là một thành phần hồ sơ của thủ tục cấp C/O nếu doanh nghiệp chưa đăng ký thì nộp kèm bộ hồ sơ đăng ký thương nhân để có cơ sở cấp C/O.

43.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hiện nay Quyết định số 19/2008/QĐ-BCT ngày 24/7/2008 đã được thay thế bằng Thông tư số 12/2009/TT-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2009.

44. Thủ tục Đăng ký văn phòng phẩm, hàng hóa phục vụ sinh hoạt hàng ngày của doanh nghiệp chế xuất mua từ thị trường nội địa cho các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao - mã số hồ sơ: 020507

44.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký văn phòng phẩm, hàng hóa phục vụ sinh hoạt hàng ngày của doanh nghiệp chế xuất mua từ thị trường nội địa cho các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao.

Lý do:

Thủ tục này chỉ phục vụ việc xác nhận hàng hóa là văn phòng phẩm khi doanh nghiệp có nhu cầu do vậy không cần đưa vào thủ tục hành chánh. Khi doanh nghiệp có nhu cầu xác nhận Đăng ký văn phòng phẩm, hàng hóa phục vụ sinh hoạt hàng ngày của doanh nghiệp chế xuất mua từ thị trường nội địa thì chỉ cần Cơ quan quản lý nhà nước xem xét và có văn bản chấp thuận.

44.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh Thông tư số 04/2007/TT-BTM ngày 04/4/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, thanh lý hàng nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

45. Thủ tục Đăng ký công trình hoàn thành - mã số hồ sơ: 018414

45.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký công trình hoàn thành.

Lý do:

Thủ tục đăng ký công trình hoàn thành đáp ứng được mục tiêu đề ra là xem xét công trình xây dựng hoàn thành phù hợp của công trình xây dựng đã hoàn thành so với Giấy phép xây dựng đã cấp và làm cơ sở cho việc đăng ký quyền sở hữu công trình tuy nhiên theo quy định hiện nay các dự án đầu tư xây dựng trong KCNC không cần cấp phép xây dựng và việc đăng ký quyền sở hữu công trình được thực hiện, Sở Xây dựng cũng không cần giấy chứng nhận công trình hoàn thành của cơ quan nhà nước. Do đó TTHC không còn cần thiết.

45.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh các quy định về TTHC này tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

46. Thủ tục Thông báo thay đổi tên doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 139635

46.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thông báo thay đổi tên doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Lý do:

Đối với các dự án trong Khu Công nghệ cao việc thông báo thay đổi tên doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thực hiện theo thủ tục đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư. Do đó, việc áp dụng thủ tục này sẽ được thay thế bằng thủ tục đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư.

46.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

47. Thủ tục Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 139462

47.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Lý do:

Đối với các dự án trong Khu Công nghệ cao việc đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thực hiện theo thủ tục đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư. Do đó, việc áp dụng thủ tục này sẽ được thay thế bằng thủ tục đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư.

47.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

48. Thủ tục Đăng ký tăng vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 139613

48.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký tăng vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Lý do:

Đối với các dự án trong Khu Công nghệ cao, tăng vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thực hiện theo thủ tục đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư.

48.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

49. Thủ tục Đăng ký thay đổi chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức) - mã số hồ sơ: 139453

49.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức).

Lý do:

Đối với các dự án trong Khu Công nghệ cao việc đăng ký thay đổi chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức) được thực hiện theo thủ tục đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư.

49.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

50. Thủ tục Đăng ký thay đổi trụ sở chính đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức) - mã số hồ sơ: 139590

50.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký thay đổi trụ sở chính đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức).

Lý do:

Đối với các dự án trong Khu Công nghệ cao việc đăng ký thay đổi trụ sở chính đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức) được thực hiện theo thủ tục đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư.

50.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

51. Thủ tục Đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức) - mã số hồ sơ: 139616

51.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức).

Lý do:

Đối với các dự án trong Khu Công nghệ cao việc đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức) được thực hiện theo thủ tục đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư.

51.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

52. Thủ tục Sáp nhập các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên - mã số hồ sơ: 139602

52.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Sáp nhập các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Lý do:

Trong KCNC TTHC này được thực hiện giống thủ tục Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư.

52.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

53. Thủ tục Hợp nhất các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên - mã số hồ sơ: 139486

53.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Hợp nhất các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Lý do:

Trong KCNC TTHC này được thực hiện giống với TTHC đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư.

53.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

54. Thủ tục Chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 139439

54.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Lý do:

Đối với các dự án trong Khu Công nghệ cao việc chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thực hiện theo thủ tục đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư.

54.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

55. Thủ tục Chuyển đổi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty Cổ phần - mã số hồ sơ: 139610

55.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Chuyển đổi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty Cổ phần.

Lý do:

Đối với các dự án trong Khu đối với các dự án trong Khu Công nghệ cao việc chuyển đổi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty Cổ phần được thực hiện theo thủ tục đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy

55.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

56. Thủ tục Chia công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 139510

56.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Chia công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Lý do:

Trong KCNC TTHC này được thực hiện giống thủ tục Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư.

56.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

57. Thủ tục Đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 139586

57.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Lý do:

Trong KCNC TTHC này được thực hiện giống thủ tục Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đầu tư.

57.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Luật Doanh nghiệp 2005.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

VI. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN VỀ NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

1. Thủ tục Cấp giấy xác nhận có gốc Việt Nam - mã số hồ sơ: 002036

1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung về thời hạn giải quyết hồ sơ: Rút ngắn xuống còn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Quy trình thủ tục đơn giản nên có thể rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.

b) Sửa đổi, bổ sung về tính pháp lý của thủ tục: Ban hành văn bản mới quy định duy trì thủ tục này.

Lý do:

Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT/BKH-BTP-BNG-BCA về hướng dẫn người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam đầu tư theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 đã hết hiệu lực

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị ban hành văn bản mới để thủ tục này tiếp tục được thực hiện. Vì các thủ tục khác như: cấp giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam, giấy đăng ký công dân Việt Nam được thực hiện theo Luật Quốc tịch năm 2008 tuy là có cùng mục tiêu với thủ tục đang rà soát nhưng còn phải chờ văn bản hướng dẫn thực hiện vì vậy thủ tục này vẫn dễ dàng, thuận tiện hơn cho kiều bào trong lúc này.

VII. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Thủ tục Tuyển dụng viên chức - mã số hồ sơ: 048709

1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Thay thế tên thủ tục "Thủ tục tuyển dụng công chức"thành tên "Thủ tục tuyển dụng viên chức".

Lý do:

Cho đúng với quy định tại Điều 1 Chương I Phạm vi, đối tượng áp dụng của Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố áp dụng cho việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố.

b) Bổ sung quy định thời gian xét tuyển dụng là 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Tại Điều 7 Quy trình tuyển dụng của Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố, không quy định rõ thời gian giải quyết hồ sơ.

c) Bổ sung, sửa đổi mẫu đơn: Thay thế mẫu " Đơn xin xét tuyển viên chức" thành "Đơn đăng ký xét tuyển viên chức".

Lý do:

- Tại Điều 5 Điều kiện dự tuyển của Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố, chưa quy định rõ mẫu đơn đăng ký xét tuyển viên chức ngành giáo dục.

- Trong mẫu đơn, tờ khai tại Phần I Lĩnh vực tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công bố trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh là "Đơn xin xét tuyển viên chức" chưa đúng với quy định.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ tên thủ tục "Thủ tục tuyển dụng công chức" đã được công bố trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh được thay thế thống nhất tên thủ tục "Thủ tục tuyển dụng viên chức".

- Tại Điều 7 Quy trình tuyển dụng của Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố, quy định rõ thời gian giải quyết hồ sơ tuyển dụng là 30 ngày.

- Tại Điều 5 Điều kiện dự tuyển của Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố, bổ sung mẫu đơn đăng ký xét tuyển viên chức ngành giáo dục (Mẫu đính kèm).

- Và sửa đổi và thay thế mẫu "Đơn xin xét tuyển viên chức" là "Đơn đăng ký xét tuyển viên chức" tại Phần I Lĩnh vực tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công bố trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh (Mẫu đính kèm).

2. Thủ tục Thành lập trường phổ thông tư thục - mã số hồ sơ: 048790

2.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Thay thế tên thủ tục "Thủ tục thành lập trường phổ thông tư thục" thành tên "Thủ tục thành lập trường phổ thông".

Lý do:

Tại mục 1, Điều 5 Tên trường, biển tên trường, Chương 1 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tên trường không ghi loại hình công lập, tư thục.

b) Bổ sung cụ thể kèm theo mẫu các mẫu đơn, mẫu tờ khai.

Lý do:

Tại mục 1 Điều 11 Hồ sơ và thủ tục thành lập trường trung học của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định rõ thành phần hồ sơ gồm mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

c) Sửa đổi, bổ sung: Quy định về số lượng bộ hồ sơ cần nộp.

Lý do:

Tại mục 1 Điều 11 Hồ sơ và thủ tục thành lập trường trung học của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo không quy định cụ thể số lượng hồ sơ nộp.

d) Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ thành lập trường phổ thông.

Lý do:

Tại điểm c, mục 3, Điều 11 Hồ sơ và thủ tục thành lập trường trung học của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định giải quyết hồ sơ trong 45 ngày tuy nhiên theo tình hình thực tế tại Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện quy trình này chỉ có 30 ngày vì quy định thành phần hồ sơ rất rõ ràng và đầy đủ thông tin, định kỳ hàng tháng hội đồng thẩm định đi thẩm tra và xem xét duyệt hồ sơ, có văn bản trình Ủy ban nhân dân ra quyết định thành lập.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ tên thủ tục "Thủ tục thành lập trường phổ thông tư thục" đã được công bố trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh được thay thế thống nhất tên "Thủ tục thành lập trường phổ thông".

- Tại mục 1 Điều 11 Hồ sơ và thủ tục thành lập trường trung học của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cần quy định rõ thành phần hồ sơ gồm mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

- Tại mục 1 Điều 11 Hồ sơ và thủ tục thành lập trường trung học của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nội dung "Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 03 bộ".

- Tại điểm c mục 3 Điều 11 Hồ sơ và thủ tục thành lập trường trung học của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi: "Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, .."

3. Thủ tục Thành lập trường trung cấp chuyên nghiệp - mã số hồ sơ: 049714

3.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Bổ sung quy định cụ thể kèm theo mẫu đơn, mẫu tờ khai.

Lý do:

Tại mục 1 Điều 10 Hồ sơ trình tự và thủ tục thành lập trường trung cấp chuyên nghiệp của Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp kèm theo Quyết định số 43/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường Trung cấp chuyên nghiệp chưa quy định rõ mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

b) Bổ sung quy định về số lượng bộ hồ sơ cần nộp.

Lý do:

Tại mục 1 Điều 10 Hồ sơ trình tự và thủ tục thành lập trường trung cấp chuyên nghiệp của Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp kèm theo Quyết định số 43/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường Trung cấp chuyên nghiệp không quy định cụ thể số lượng hồ sơ nộp.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Tại mục 1 Điều 10 Hồ sơ trình tự và thủ tục thành lập trường trung cấp chuyên nghiệp của Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp kèm theo Quyết định số 43/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường Trung cấp chuyên nghiệp quy định rõ mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm).

- Tại mục 1 Điều 10 Hồ sơ trình tự và thủ tục thành lập trường trung cấp chuyên nghiệp của Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp kèm theo Quyết định số 43/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường Trung cấp chuyên nghiệp nội dung "Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 03 bộ".

4. Thủ tục Thành lập trung tâm (cơ sở) ngoại ngữ tin học, bồi dưỡng văn hóa - mã số hồ sơ: 051291

4.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Bổ sung cụ thể kèm theo mẫu đơn, mẫu tờ khai.

Lý do:

Tại Điều 9 Hồ sơ thành lập trung tâm ngoại ngữ - tin học, Chương II của Quyết định số 31/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học chưa quy định mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

b) Bổ sung quy định về số lượng bộ hồ sơ cần nộp.

Lý do:

Tại Điều 9 Hồ sơ thành lập trung tâm ngoại ngữ - tin học, Chương II của Quyết định số 31/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học không quy định cụ thể số lượng hồ sơ nộp.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Tại Điều 9 Hồ sơ thành lập trung tâm ngoại ngữ - tin học, Chương II của Quyết định số 31/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học quy định rõ mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm).

- Tại Điều 9 Hồ sơ thành lập trung tâm ngoại ngữ - tin học, Chương II của Quyết định số 31/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học nội dung "Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 03 bộ".

5. Thủ tục Thành lập chi nhánh, chuyển địa điểm trung tâm (cơ sở) ngoại ngữ tin học, bồi dưỡng văn hóa - mã số hồ sơ: 051289

5.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Bổ sung cụ thể thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai trong việc thành lập chi nhánh, chuyển địa điểm trung tâm (cơ sở) ngoại ngữ tin học, bồi dưỡng văn hóa.

Lý do:

Tại Điều 9 Hồ sơ thành lập trung tâm ngoại ngữ - tin học, Chương II của Quyết định số 31/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học chưa quy định rõ thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai trong việc thành lập chi nhánh, chuyển địa điểm trung tâm (cơ sở) ngoại ngữ tin học, bồi dưỡng văn hóa.

b) Bổ sung quy định về số lượng bộ hồ sơ cần nộp.

Lý do:

Tại Điều 9 Hồ sơ thành lập trung tâm ngoại ngữ - tin học, Chương II của Quyết định số 31/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học không quy định cụ thể số lượng hồ sơ nộp.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại Điều 11 Chi nhánh ngoại ngữ - tin học, Chương II của Quyết định số 31/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học quy định các biểu mẫu đơn, mẫu tờ khai trong việc thành lập chi nhánh, chuyển địa điểm trung tâm (cơ sở) ngoại ngữ tin học, bồi dưỡng văn hóa (file đính kèm).

- Bổ sung quy định tại Điều 9 Hồ sơ thành lập trung tâm ngoại ngữ - tin học, Chương II của Quyết định số 31/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học nội dung: "Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 03 bộ".

6. Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động trung tâm (cơ sở) ngoại ngữ tin học, bồi dưỡng văn hóa - mã số hồ sơ: 051302

6.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Bãi bỏ tên thủ tục "Thủ tục gia hạn giấy phép dạy học trung tâm (cơ sở) ngoại ngữ tin học, bồi dưỡng văn hóa" thay thế tên thống nhất "Thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động trung tâm (cơ sở) ngoại ngữ tin học, bồi dưỡng văn hóa".

Lý do:

Tại khoản a mục 1 Điều 13 Thẩm quyền cấp giấy phép, thu hồi giấy phép dạy thêm của Quyết định số 21/2008/QĐ-UBND ngày 25/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

b) Bổ sung quy định cụ thể thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai.

Lý do:

Tại mục 1 Điều 15 Thủ tục cấp phép dạy thêm của Quyết định số 21/2008/QĐ-UBND ngày 25/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chưa quy định rõ thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

c) Bổ sung quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 03 bộ.

Lý do:

Tại mục 1 Điều 15 Thủ tục cấp phép dạy thêm của Quyết định số 21/2008/QĐ-UBND ngày 25/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh không quy định cụ thể số lượng bộ hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai cụ thể.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ tên thủ tục "Thủ tục gia hạn giấy phép dạy học trung tâm (cơ sở) ngoại ngữ tin học, bồi dưỡng văn hóa" đã được công bố trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh được thay thế thống nhất tên thủ tục "Thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động trung tâm (cơ sở) ngoại ngữ tin học, bồi dưỡng văn hóa".

- Bổ sung quy định tại mục 1 Điều 15 Thủ tục cấp phép dạy thêm của Quyết định số 21/2008/QĐ-UBND ngày 25/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh các thành phần hồ sơ đính kèm mẫu đơn, mẫu tờ khai theo quyết định. (đính kèm mẫu đơn, mẫu tờ khai).

- Bổ sung quy định tại mục 1 Điều 15 Thủ tục cấp phép dạy thêm của Quyết định số 21/2008/QĐ-UBND ngày 25/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nội dung: "Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 03 bộ".

7. Thủ tục Thực hiện hồ sơ chuyển trường - mã số hồ sơ: 054581

7.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ chuyển trường cho học sinh cấp trung học phổ thông.

Lý do:

Quy định tại mục 3, Điều 5 Hồ sơ, thủ tục chuyển trường Chương II của Quyết định số 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông cần quy định rõ thời gian giải quyết hồ sơ cụ thể. Những trường hợp đặc biệt giải quyết ngay trong ngày. Giảm bớt được việc đi lại cho những phụ huynh ở tỉnh xa.

b) Bổ sung điều kiện trong thành phần hồ sơ.

Lý do:

Quy định tại điểm b, mục 2, Điều 5 Hồ sơ, thủ tục chuyển trường Chương II của Quyết định số 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, Sở Giáo dục và đào tạo không thể yêu cầu hiệu trưởng tiếp nhận học sinh chuyển tỉnh về mà phải có ý kiến đồng ý tiếp nhận từ Hiệu trưởng của trường được chuyển đến để tránh việc sĩ số học sinh tại mỗi lớp bị ảnh hưởng, tránh xáo trộn của trường lớp.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại mục 3, Điều 5 Hồ sơ, thủ tục chuyển trường Chương II của Quyết định số 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông cần quy định rõ thời gian giải quyết hồ sơ cụ thể trong 03 ngày.

- Bổ sung quy định tại điểm b, mục 2, Điều 5 Hồ sơ, thủ tục chuyển trường, Chương II của Quyết định số 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông có ý kiến đồng ý tiếp nhận từ Hiệu trưởng của trường được chuyển đến.

8. Thủ tục Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ - mã số hồ sơ: 051307

8.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Bổ sung mức thu lệ phí làm bản sao.

Lý do:

Điều chỉnh mức thu lệ phí là 9.000 đồng vì trong lần rà soát trước còn thiếu xót văn bản quy định mức thu làm bằng được quy định tại mục 2 về lệ phí thi Ngoại ngữ - tin học, chi phí làm bằng tốt nghiệp của Thông báo số 85/TB-VP ngày 06/7/2001 của Văn phòng UBND TPHCM thông báo ý kiến kết luận và chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Thành Tài đối với các kiến nghị về sử dụng kinh phí ngân sách sự nghiệp giáo dục đào tạo, lệ phí thi của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố.

b) Bỏ yêu cầu dán ảnh trong mẫu phiếu yêu cầu bản sao.

Lý do:

Tại Quyết định số 2928/QĐ-BGDĐT ngày 14/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt mẫu phôi chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân. Vì thế Sở Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh phiếu yêu cầu bản sao.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại mục 1 Phần III Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ của Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh như sau:

+“ Lệ phí: 9.000 đ”.

+ Thay thế phiếu yêu cần bản sao chứng chỉ tại mục 1 Phần III Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ của Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Biểu mẫu đính kèm).

9. Thủ tục Tổ chức kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học - mã số hồ sơ: 051314

9.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Bổ sung quy định thời gian cấp chứng chỉ.

Lý do:

Tại Điều 6,7 8, 9, 10, 11 của Quyết định số 7176/QĐ-BGDĐT ngày 09/11/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình cấp phát phôi văn bằng, chứng chỉ tại cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo thì thời gian quy định trong việc mua phôi chứng chỉ từ các tỉnh xa gặp nhiều khó khăn.

Căn cứ thực trạng hiện tại của TP.HCM thì việc tổ chức kiểm tra và chấm bài kiểm tra không mất nhiều thời gian, tuy nhiên thời gian chờ Bộ Giáo dục và Đào tạo duyệt số lượng thí sinh được trúng tuyển trong kỳ kiểm tra mới đồng ý cho mua phôi chứng chỉ mất quá nhiều thời gian. Vì thế không đáp ứng được nhu cầu cần lấy sớm chứng chỉ của người dân trong việc bổ túc hồ sơ xin việc làm hoặc đi học.

b) Bổ sung mức thu làm chứng chỉ và mức thu thi cấp độ kỹ thuật viên.

Lý do:

Tại mục 2, Điều 1 của Quyết định 117/2001/QĐ-UB ngày 03 tháng 12 năm 2001 của UBND TPHCM, về quy định tạm thời thu và sử dụng lệ phí kiểm tra Ngoại ngữ, tin học thì chưa quy định mức thu làm chứng chỉ, và mức thu cho cấp độ Kỹ thuật viên.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Tại Điều 6,7 8, 9, 10, 11 của Quyết định số 7176/QĐ-BGDĐT ngày 09/11/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình cấp phát phôi văn bằng, chứng chỉ tại cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mua trước phôi chứng chỉ theo định kỳ quý hay năm.

- Tại mục 2, điều 1 của Quyết định 117/2001/QĐ-UB ngày 03/12/2001 của UBND TPHCM, về quy định tạm thời thu và sử dụng lệ phí kiểm tra Ngoại ngữ, tin học thì bổ sung mức thu làm chứng chỉ là 10.000 đồng/thí sinh và mức thu cho cấp độ Kỹ thuật viên là 110.000 đồng.

VIII. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Thủ tục Cấp Giấy phép thu chương trình truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh - mã số hồ sơ: 028299

1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay*

thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung về thành phần hồ sơ như sau: Nộp bản sao (photocopy) không cần có công chứng giấy phép đầu tư, giấy phép hoạt động; Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn của cơ sở lưu trú; Quyết định thành lập cơ sở lưu trú. Khi nộp hồ sơ, người đến làm thủ tục chỉ cần mang theo bản chính để đối chiếu.

Lý do:

Việc yêu cầu cung cấp bản sao có công chứng giấy phép đầu tư, giấy phép hoạt động; Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn của cơ sở lưu trú; Quyết định thành lập cơ sở lưu trú là không cần thiết, vì để xác định tính xác thực của bản sao cán bộ của cơ quan hành chính nhà nước chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản chính với bản photocopy là đủ. Do đó, chỉ nên yêu cầu nộp bản sao (photocopy) không cần có công chứng.

b) Sửa đổi, bổ sung về thời gian giải quyết hồ sơ như sau: Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 18/2002/QĐ-BVHTT ngày 29/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin ban hành quy chế cấp giấy phép, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thu chương trình truyền hình nước ngoài thì thời gian giải quyết hồ sơ là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Tuy nhiên, thực tế có thể rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 15 ngày xuống còn 08 ngày làm việc nhưng vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức.

c) Sửa đổi tên mẫu tờ khai: "Tờ khai xin cấp Giấy phép thu chương hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh" thành "Tờ khai đề nghị cấp Giấy phép thu chương hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh".

Lý do:

Theo quy định tại Quyết định số 18/2002/QĐ-BVHTT ngày 29/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin ban hành quy chế cấp giấy phép, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thu chương trình truyền hình nước ngoài thì tên mẫu tờ khai là "Tờ khai xin cấp Giấy phép thu chương hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh". Do đó, để bỏ cơ chế xin - cho, đề nghị sửa đổi tên thành "Tờ khai đề nghị cấp Giấy phép thu chương hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh".

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Quyết định số 18/2002/QĐ-BVHTT ngày 29/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin ban hành quy chế cấp giấy phép, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thu chương trình truyền hình nước ngoài.

- Sửa đổi Điều 2 Quyết định số 18/2002/QĐ-BVHTT ngày 29/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin ban hành quy chế cấp giấy phép, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thu chương trình truyền hình nước ngoài.

- Sửa đổi Mẫu 1 Quyết định số 18/2002/QĐ-BVHTT ngày 29/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin ban hành quy chế cấp giấy phép, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thu chương trình truyền hình nước ngoài.

2. Thủ tục Cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trên internet - mã số hồ sơ: 028233

2.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung về thành phần hồ sơ như sau: bổ sung "Giấy chứng nhận đăng ký tên miền".

Lý do:

Theo quy định tại Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet; Quyết định số 27/2002/QĐ-BVHTT ngày 10/10/2002 của Bộ Văn hóa và Thông tin về quy chế quản lý và cấp giấy phép thông tin, thiết lập trang điện tử trên Internet thì trong thành phần hồ sơ có "Giấy chứng nhận đăng ký tên miền".

Tuy nhiên, Nghị định 55/2001/NĐ-CP và Quyết định 27/2002/QĐ-BVHTT đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp sử dụng dịch vụ Internet và thông tin đầu tư trên Internet. Trong Nghị định số 97/2008/NĐ-CP không quy định thành phần hồ sơ có "Giấy chứng nhận đăng ký tên miền" nên cơ quan cấp phép rất khó quản lý nội dung đăng ký thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trên Internet.

Do đó, việc bổ sung "Giấy chứng nhận đăng ký tên miền" là cần thiết và giúp cơ quan cấp phép quản lý được nội dung đăng ký khi thiết lập trang thông tin điện tử.

b) Sửa đổi, bổ sung về thời gian giải quyết hồ sơ như sau: Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ: 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp sử dụng dịch vụ internet và thông tin đầu tư trên Internet thì thời gian giải quyết hồ sơ là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Tuy nhiên, thực tế có thể rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 15 ngày xuống còn 07 ngày làm việc nhưng vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 2 Điều 21 Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp sử dụng dịch vụ internet và thông tin đầu tư trên Internet.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 21 Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp sử dụng dịch vụ internet và thông tin đầu tư trên Internet.

3. Thủ tục Cấp giấy phép chuyển phát thư - mã số hồ sơ: 029193

3.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi tên "Thủ tục cấp Giấy phép chuyển phát thư" thành "Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư.

Lý do:

Để thống nhất với tên gọi quy định tại Nghị định số 128/2007/NĐ-CP ngày 02/8/2007 của Chính phủ về dịch vụ chuyển phát và Thông tư số 08/2008/TT-BTTTT ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số điều của Nghị định số 128/2007/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về dịch vụ chuyển phát.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong bộ thủ tục hành chính đã công bố ban hành kèm theo Quyết định số 4405/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Thủ tục Cấp phép họp báo - mã số hồ sơ: 028127

4.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Bổ sung thành phần hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

+ Đơn đề nghị cấp phép họp báo, gồm có: mục đích; nội dung họp báo; thời gian, địa điểm; người chủ trì; thành phần khách mời.

+ Hai (02) thư mời gửi Phòng Báo chí xuất bản đến tham dự buổi họp báo;

+ Giấy chứng nhận pháp nhân.

Lý do:

Theo Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí không có quy định về thành phần hồ sơ đối với thủ tục cấp phép họp báo.

Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan nhà nước và người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính, việc bổ sung thành phần hồ sơ vào văn bản quy phạm pháp luật là điều cần thiết.

b) Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ xuống còn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Để kịp thời cấp văn bản chấp thuận họp báo cho các cơ quan, tổ chức họp báo một cách nhanh nhất.

4.2 Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung điều, khoản quy định về thành phần hồ sơ trong Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí.

- Sửa đổi nội dung trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố.

- Sửa đổi Điều 19 Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí.

5. Thủ tục Cấp phép Hội nghị, Hội thảo có yếu tố nước ngoài - mã số hồ sơ: 028363

5.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền giải quyết hồ sơ:

Thẩm quyền giải quyết nên giao cho Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trên địa bàn thành phố, trực tiếp Cấp phép Hội nghị, Hội thảo có yếu tố nước ngoài.

Lý do:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 122/2001/QĐ-TTg ngày 21/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức quản lý Hội nghị, Hội thảo quốc tế tại Việt Nam thì thẩm quyền giải quyết là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do đó, để thực hiện việc cấp phép tổ chức hội thảo cho đơn vị, doanh nghiệp nhanh nhất nên giao thẩm quyền cho Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trên địa bàn thành phố, trực tiếp Cấp phép Hội nghị, Hội thảo có yếu tố nước ngoài cho tổ chức.

b) Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Vì nếu Sở Thông tin và Truyền thông nhận thụ lý hồ sơ và ra Quyết định cho phép tổ chức hội thảo sẽ rút ngắn thời gian hơn khi phải trình Ủy ban nhân dân thành phố.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 2 Điều 3 Quyết định số 122/2001/QĐ-TTg ngày 21/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức quản lý Hội nghị, Hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 6 Quyết định số 122/2001/QĐ-TTg ngày 21/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức quản lý Hội nghị, Hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

6. Thủ tục Thẩm định hồ sơ đề nghị Cục Báo chí cấp thẻ nhà báo - mã số hồ sơ: 028376

6.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ bớt thông tin"Họ và tên thường dùng" trong mẫu "Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo.

Lý do:

Trong mẫu "Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo": ở mục "Họ và tên khai sinh" nên bỏ bớt phần "Họ và tên thường dùng". Vì thông tin "họ và tên thường dùng" trong bản khai đăng ký là không cần thiết.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Mẫu số 1 - Thông tư số 07/2007/TT-BVHTT ngày 20/3/2007 của Bộ Văn hóa và Thông tin về hướng dẫn cấp, đổi và thu hồi thẻ nhà báo.

7. Thủ tục Thẩm định hồ sơ đề nghị Cục Báo chí cấp đổi thẻ nhà báo - mã số hồ sơ: 028398

7.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ bớt thông tin "Họ và tên thường dùng" trong mẫu "Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo".

Lý do:

Trong mẫu "Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo": ở mục "Họ và tên khai sinh" nên bỏ bớt phần "Họ và tên thường dùng". Vì thông tin "họ và tên thường dùng" trong bản khai đăng ký là không cần thiết.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi Mẫu số 1 - Thông tư số 07/2007/TT-BVHTT ngày 20/3/2007 của Bộ Văn hóa và Thông tin về hướng dẫn cấp, đổi và thu hồi thẻ nhà báo.

8. Thủ tục Thẩm định hồ sơ đề nghị Cục Báo chí cấp lại thẻ nhà báo - mã số hồ sơ: 028425

8.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ bớt thông tin "Họ và tên thường dùng" trong mẫu "Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo".

Lý do:

Trong mẫu "Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo": ở mục "Họ và tên khai sinh" nên bỏ bớt phần "Họ và tên thường dùng". Vì thông tin "họ và tên thường dùng" trong bản khai đăng ký là không cần thiết.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Mẫu số 1 - Thông tư số 07/2007/TT-BVHTT ngày 20/3/2007 của Bộ Văn hóa và Thông tin về hướng dẫn cấp, đổi và thu hồi thẻ nhà báo.

9. Thủ tục Cấp phép xuất bản bản tin - mã số hồ sơ: 028331

9.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi tên mẫu đơn: "Đơn xin cấp Giấy phép xuất bản bản tin" thành "Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất bản bản tin".

Lý do:

Theo quy định tại Quyết định số 53/2003/QĐ-BVHTT ngày 04/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin ban hành quy chế xuất bản bản tin thì tên mẫu đơn là "Đơn xin cấp Giấy phép xuất bản bản tin". Do đó, để bỏ cơ chế xin - cho, đề nghị sửa đổi tên thành "Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất bản bản tin".

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Mẫu 1 Quyết định số 53/2003/QĐ-BVHTT ngày 04/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin ban hành quy chế xuất bản bản tin.

10. Thủ tục Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh - mã số hồ sơ: 028430

10.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi tên mẫu đơn: "Đơn xin phép xuất bản tài liệu không kinh doanh" thành "Đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh".

Lý do:

Theo quy định tại Quyết định số 31/2006/QĐ-BVHTT ngày 01/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin về ban hành mẫu giấy phép, đơn xin phép, giấy xác nhận đăng ký, tờ khai nộp lưu chiểu sử dụng trong hoạt động xuất bản thì tên mẫu đơn là "Đơn xin phép xuất bản tài liệu không kinh doanh". Do đó, để bỏ cơ chế xin - cho, đề nghị sửa đổi tên thành "Đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh".

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi Mẫu 2 Quyết định số 31/2006/QĐ-BVHTT ngày 01/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin về ban hành mẫu giấy phép, đơn xin phép, giấy xác nhận đăng ký, tờ khai nộp lưu chiểu sử dụng trong hoạt động xuất bản.

11. Thủ tục In gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài - mã số hồ sơ: 029009

11.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi tên mẫu đơn: "Đơn xin phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài" thành "Đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài".

Lý do:

Theo quy định tại Quyết định số 31/2006/QĐ-BVHTT ngày 01/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin về ban hành mẫu giấy phép, đơn xin phép, giấy xác nhận đăng ký, tờ khai nộp lưu chiểu sử dụng trong hoạt động xuất bản thì tên mẫu đơn là "Đơn xin phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài". Do đó, để bỏ cơ chế xin - cho, đề nghị sửa đổi tên thành "Đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài".

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi Mẫu 9b Quyết định số 31/2006/QĐ-BVHTT ngày 01/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin về ban hành mẫu giấy phép, đơn xin phép, giấy xác nhận đăng ký, tờ khai nộp lưu chiểu sử dụng trong hoạt động xuất bản.

12. Thủ tục Cấp phép hoạt động triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm - mã số hồ sơ: 029111

12.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi tên mẫu đơn: "Đơn xin phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm" thành "Đơn đề nghị tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm".

Lý do:

Theo quy định tại Quyết định số 31/2006/QĐ-BVHTT ngày 01/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin về ban hành mẫu giấy phép, đơn xin phép, giấy xác nhận đăng ký, tờ khai nộp lưu chiểu sử dụng trong hoạt động xuất bản thì tên mẫu đơn là "Đơn xin phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm". Do đó, để bỏ cơ chế xin - cho, đề nghị sửa đổi tên thành "Đơn đề nghị tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm".

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Mẫu 13 Quyết định số 31/2006/QĐ-BVHTT ngày 01/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin về ban hành mẫu giấy phép, đơn xin phép, giấy xác nhận đăng ký, tờ khai nộp lưu chiểu sử dụng trong hoạt động xuất bản.

IX. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Thủ tục Thanh toán học phí và tiền cơ sở vật chất cho trường tiểu học, trường phổ thông cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc phòng Giáo dục - Đào tạo quận, huyện và trường tiểu học, trường phổ thông cơ sở ngoài công lập có học sinh thuộc diện hộ có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố - mã số hồ sơ: 034735

1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này.

Lý do:

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này vì trước đây nhằm thực hiện Quy định về mức thu và

quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các Công văn nhằm thực hiện thủ tục này nhưng theo quy chế tổ chức và hoạt động của 02 Sở này là không đúng thẩm quyền.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ các văn bản: Công văn số 1783/HD-LĐTBXH-GDĐT của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1782/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí và tiền cơ sở vật chất cho học sinh, sinh viên thuộc hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Công văn số 1791/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc diện hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết và trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, lao động thuộc các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vào "Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Thủ tục Thanh toán học phí và tiền cơ sở vật chất cho trường phổ thông trung học, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố; trường phổ thông trung học ngoài công lập có học sinh thuộc diện hộ có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố - mã số hồ sơ: 034767

2.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này.

Lý do:

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này vì trước đây nhằm thực hiện Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các Công văn nhằm thực hiện thủ tục này nhưng theo quy chế tổ chức và hoạt động của 02 Sở này là không đúng thẩm quyền.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ các văn bản: Công văn số 1783/HD-LĐTBXH-GDĐT của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1782/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí và tiền cơ sở vật chất cho học sinh, sinh viên thuộc hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Công văn số 1791/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc diện hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết và trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, lao động thuộc các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vào "Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Thủ tục Thanh toán học phí cho trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố có sinh viên thuộc diện hộ có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố - mã số hồ sơ: 034787

3.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này.

Lý do:

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này vì trước đây nhằm thực hiện Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các Công văn nhằm thực hiện thủ tục này nhưng theo quy chế tổ chức và hoạt động của 02 Sở này là không đúng thẩm quyền.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ các văn bản: Công văn số 1783/HD-LĐTBXH-GDĐT của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1782/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí và tiền cơ sở vật chất cho học sinh, sinh viên thuộc hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Công văn số 1791/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc diện hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết và trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, lao động thuộc các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vào "Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Thủ tục Thanh toán học phí cho trường đại học, cao đẳng không thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố có sinh viên thuộc diện hộ có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố - mã số hồ sơ: 034804

4.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này.

Lý do:

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này vì trước đây nhằm thực hiện Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các Công văn nhằm thực hiện thủ tục này nhưng theo quy chế tổ chức và hoạt động của 02 Sở này là không đúng thẩm quyền.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ các văn bản: Công văn số 1783/HD-LĐTBXH-GDĐT của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1782/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí và tiền cơ sở vật chất cho học sinh, sinh viên thuộc hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Công văn số 1791/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc diện hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết và trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, lao động thuộc các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vào "Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Thủ tục Thanh toán học phí cho trường đại học, cao đẳng có đào tạo nghề hệ sơ cấp, trung cấp chuyên nghiệp không thuộc hệ thống cơ sở dạy nghề do Hội đồng quản lý quỹ 156 chỉ định có người lao động thuộc diện hộ có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố học nghề - mã số hồ sơ: 034824

5.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này.

Lý do:

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này vì trước đây nhằm thực hiện Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các Công văn nhằm thực hiện thủ tục này nhưng theo quy chế tổ chức và hoạt động của 02 Sở này là không đúng thẩm quyền.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ các văn bản: Công văn số 1783/HD-LĐTBXH-GDĐT của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1782/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí và tiền cơ sở vật chất cho học sinh, sinh viên thuộc hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Công văn số 1791/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc diện hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết và trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, lao động thuộc các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vào "Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Thủ tục Thanh toán học phí cho cơ sở dạy nghề do Hội đồng quản lý quỹ 156 thành phố chỉ định, cơ sở dạy nghề sơ cấp có người lao động thuộc diện hộ có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố học nghề - mã số hồ sơ: 034873

6.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này.

Lý do:

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này vì trước đây nhằm thực hiện Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các Công văn nhằm thực hiện thủ tục này nhưng theo quy chế tổ chức và hoạt động của 02 Sở này là không đúng thẩm quyền.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ các văn bản: Công văn số 1783/HD-LĐTBXH-GDĐT của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1782/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí và tiền cơ sở vật chất cho học sinh, sinh viên thuộc hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Công văn số 1791/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc diện hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết và trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, lao động thuộc các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vào "Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Thủ tục Thanh toán học phí cho doanh nghiệp dạy nghề nhận dạy nghề cho người lao động thuộc diện hộ có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố - mã số hồ sơ: 034962

7.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này.

Lý do:

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này vì trước đây nhằm thực hiện Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các Công văn nhằm thực hiện thủ tục này nhưng theo quy chế tổ chức và hoạt động của 02 Sở này là không đúng thẩm quyền.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ các văn bản: Công văn số 1783/HD-LĐTBXH-GDĐT của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1782/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí và tiền cơ sở vật chất cho học sinh, sinh viên thuộc hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Công văn số 1791/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc diện hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết và trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, lao động thuộc các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vào "Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

8. Thủ tục Thanh toán sinh hoạt phí cho người học nghề thuộc diện hộ có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố - mã số hồ sơ: 034980

8.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này.

Lý do:

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục này vì trước đây nhằm thực hiện Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các Công văn nhằm thực hiện thủ tục này nhưng theo quy chế tổ chức và hoạt động của 02 Sở này là không đúng thẩm quyền.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ các văn bản: Công văn số 1783/HD-LĐTBXH-GDĐT của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1782/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí và tiền cơ sở vật chất cho học sinh, sinh viên thuộc hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Công văn số 1791/HD-LĐTBXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 19/4/2007 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc diện hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

- Ủy ban nhân dân bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết và trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, lao động thuộc các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vào "Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố" ban hành theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

9. Thủ tục Cấp mới giấy phép hoạt động lao động đối với trường hợp người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ theo hợp đồng - mã số hồ sơ: 031705

9.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Phiếu đăng ký dự tuyển lao động trong thành phần hồ sơ nêu tại Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Bản lý lịch tự thuật trong thành phần hồ sơ nêu tại Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Quy định về phiếu lý lịch tư pháp trong thành phần hồ sơ nêu tại Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Quy định về phiếu khám sức khỏe trong thành phần hồ sơ nêu tại điểm d, khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Lý do:

- Do thông tin cần thiết để thực hiện thủ tục hành chính đã có đủ trong các thành phần khác của hồ sơ nên Lý lịch tự thuật trong thành phần hồ sơ là không cần thiết, nên bỏ tờ khai này.

- Lý lịch tư pháp không có quy định thời điểm được lập trước khi nộp cho cơ quan lao động để đề nghị cấp giấy phép lao động là không hợp lý vì: trong trường hợp thời điểm lý lịch tư pháp được lập trước quá lâu tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động thì sẽ không cập nhật được tình trạng vi phạm pháp luật của người nước ngoài.

- Phiếu khám sức khỏe của người nước ngoài chỉ nêu được những chỉ số tình trạng sức khỏe chung. Giấy này nộp cho cơ quan lao động địa phương là không cần thiết mà nên thay bằng biện pháp hợp lý khác.

b) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng là người nước ngoài làm việc trong một doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam. Những người này đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 02 (hai) năm và phải đáp ứng các điều kiện đối với "chuyên gia" như khoản 3 Điều 2 nêu trên quy định tại khoản 6, Điều 2 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 23/5/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Lý do:

Nội dung "Những người này đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 02 (hai) năm" trong phần giải thích từ ngữ về người nước ngoài là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng quy định tại khoản 6, Điều 2 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 23/5/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam là một điều kiện không rõ ràng, không cần thiết và không có quy định về chứng minh điều kiện này trong thành phần hồ sơ.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Thành phần hồ sơ:

- Bỏ điểm a, điểm c khoản 2, Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Thêm vào điểm b, khoản 2, Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam Quy định thời điểm phiếu lý lịch tư pháp được lập trước khi nộp cho cơ quan lao động để đề nghị cấp giấy phép lao động.

- Bộ Y tế ban hành quy định cụ thể điều kiện về y tế trong việc xét cấp giấy phép lao động. Ví dụ: không cấp giấy phép lao động trong trường hợp người nước ngoài đang nhiễm, mang bệnh có khả năng lây nhiễm cao, gây nguy hiểm cho cộng đồng (trừ trường hợp đặc biệt thì phải được sự chấp thuận của Bộ Y tế) v.v.. Từ đó, có thể thay giấy chứng nhận sức khỏe bằng giấy xác nhận của cơ quan y tế về sự thỏa mãn điều kiện y tế của người nước ngoài đề nghị vào Việt Nam làm việc.

2. Yêu cầu, điều kiện:

- Bỏ nội dung "Những người này đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 02 (hai) năm" trong khoản 6, Điều 2 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 23/5/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam

- Sửa khoản 6, Điều 2 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 23/5/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam như sau: Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng là người nước ngoài làm việc trong một doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam và phải đáp ứng các điều kiện đối với "chuyên gia" như khoản 3 Điều 2 nêu trên.

10. Thủ tục Cấp thêm giấy phép lao động - mã số hồ sơ: 031738

10.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

Quy định về Phiếu đăng ký dự tuyển lao động của người nước ngoài tại khoản 2, Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Lý do:

Do thông tin cần thiết để thực hiện thủ tục hành chính đã có đủ trong các thành phần khác của hồ sơ nên quy định Phiếu đăng ký dự tuyển lao động và Lý lịch tự thuật trong thành phần hồ sơ là không cần thiết, nên bỏ các mẫu này.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ khoản 2, Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

11. Thủ tục Thỏa thuận thành lập trung tâm giới thiệu việc làm - mã số hồ sơ: 032510

11.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

Công văn đề nghị thành lập Trung tâm giới thiệu việc làm của cơ quan quản lý trực tiếp; Đề án thành lập Trung tâm; Bản kê khai trang thiết bị, các phương tiện làm việc và đi lại; danh sách nhân viên của Trung tâm tại thời điểm đề nghị thành lập có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp Trung tâm quy định tại mục 2, phần II của Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm

Lý do:

- Hồ sơ thành lập trung tâm quy định tại mục 2, Phần II của Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm có yêu cầu đơn, tờ khai người đề nghị phải nộp nhưng không quy định mẫu: Công văn đề nghị thành lập Trung tâm giới thiệu việc làm của cơ quan quản lý trực tiếp; Đề án thành lập Trung tâm; Bản kê khai trang thiết bị, các phương tiện làm việc và đi lại; danh sách nhân viên của Trung tâm tại thời điểm đề nghị thành lập có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp Trung tâm.

- Bản kê khai trang thiết bị, các phương tiện làm việc và đi lại; danh sách nhân viên của Trung tâm tại thời điểm đề nghị thành lập có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp Trung tâm là không hợp lý vì các thông tin này chỉ có khi trung tâm đã được thành lập và đã hoạt động.

b) Sửa đổi, bổ sung về cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Thành phần hồ sơ

- Ban hành mẫu công văn, mẫu đề án quy định tại điểm a, điểm b, mục 2, Phần II của Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Bỏ các thành phần hồ sơ

- Bản kê khai trang thiết bị, các phương tiện làm việc và đi lại; - Danh sách nhân viên của Trung tâm tại thời điểm đề nghị thành lập có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp Trung tâm quy định tại điểm d, mục 2, Phần II của Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Cách thức thực hiện

Bổ sung Quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm vào Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày

22/6/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm.

12. Thủ tục Đăng ký làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong năm - mã số hồ sơ: 032637

12.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*

Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

Mẫu số 3 về phương án làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong 1 năm ban hành kèm theo Thông tư số 15/2003/TT-BLĐTBXH ngày 03/6/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện làm thêm giờ theo quy định của Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ

Lý do:

Mẫu số 3 về phương án làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong 1 năm ban hành kèm theo Thông tư số 15/2003/TT-BLĐTBXH ngày 03/6/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện làm thêm giờ theo quy định của Nghị định số 109/2002/NĐ-CP, ngày 27/12/2002 của Chính phủ không thể hiện đầy đủ thông tin về tổ chức làm thêm giờ của doanh nghiệp nên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 2531/LĐTBXH ngày 22/8/2003 hướng dẫn đăng ký làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong năm, trong đó có mẫu số 3 về phương án làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong năm có đủ thông tin hơn để các doanh nghiệp thực hiện.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành mẫu số 3 quy định tại Công văn số 2531/LĐTBXH ngày 22/8/2003 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn đăng ký làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong năm thay thế cho mẫu số 3 ban hành theo Thông tư số 15/2003/TT-BLĐTBXH ngày 03/6/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện làm thêm giờ theo quy định của Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ.

13. Thủ tục Cấp giấy phép giới thiệu việc làm cho chi nhánh của doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 032665

13.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bản kê khai trang thiết bị, phương tiện làm việc phục vụ cho hoạt động giới thiệu việc làm quy định tại điểm a, khoản 10, Mục III của Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 27/2008/TT-BLĐTBXH ngày 20/11/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Danh sách nhân viên của Chi nhánh tại thời điểm đề nghị chấp thuận hoạt động quy định tại điểm a, khoản 10, Mục III của Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 27/2008/TT-BLĐTBXH ngày 20/11/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Lý do:

Điểm a, khoản 10, Mục III của Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 27/2008/TT-BLĐTBXH ngày 20/11/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định trong thành phần hồ sơ phải có bản kê khai trang thiết bị, phương tiện làm việc phục vụ cho hoạt động giới thiệu việc làm; danh sách nhân viên của Chi nhánh tại thời điểm đề nghị chấp thuận hoạt động. Quy định này không cần thiết vì những thông tin kê khai này không phản ánh được điều kiện để cấp giấy phép giới thiệu việc làm và chỉ có được khi chi nhánh đã được hoạt động giới thiệu việc làm.

b) Sửa đổi, bổ sung điều kiện:

Có ít nhất 05 (năm) cán bộ có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, pháp luật, ngoại ngữ, có lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, không có tiền án quy định tại khoản 4, Điều 12 của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2008/NĐ-CP ngày 05/6/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP có quy định Điều kiện cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm cho chi nhánh của doanh nghiệp.

Lý do:

Khoản 4, Điều 12 của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2008/NĐ-CP ngày 05/6/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP có quy định Điều kiện cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm cho chi nhánh của doanh nghiệp là chi nhánh phải "Có ít nhất 05 (năm) cán bộ có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, pháp luật, ngoại ngữ, có lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, không có tiền án.". Điều kiện này không hợp lý và không cần thiết vì chi nhánh chỉ đáp ứng được khi đã có giấy phép và đã thực hiện hoạt động giới thiệu việc làm.

c) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện:

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Bỏ thành phần hồ sơ:

- Bản kê khai trang thiết bị, phương tiện làm việc phục vụ cho hoạt động giới thiệu việc làm;

- Danh sách nhân viên của Chi nhánh tại thời điểm đề nghị chấp thuận hoạt động.

Quy định tại điểm a, khoản 10, Mục III của Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thi hành

một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 27/2008/TT-BLĐTBXH ngày 20/11/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2005 của Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm và Nghị định số 71/2008/NĐ-CP ngày 05/6/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 19/2005/NĐ-CP.

2. Bỏ điều kiện:

"Có ít nhất 05 (năm) cán bộ có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, pháp luật, ngoại ngữ, có lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, không có tiền án." tại khoản 4, Điều 12 của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2008/NĐ-CP ngày 05/6/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP về Điều kiện cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm cho chi nhánh của doanh nghiệp.

3. Cách thức thực hiện:

Bổ sung Quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm vào Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm.

14. Thủ tục Xác nhận doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ - mã số hồ sơ: 032640

14.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung vào Phần IV của Thông tư số 03/LĐTBXH-TT ngày 13/01/1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 23/CP ngày 18/4/1996 của Chính phủ về những quy định riêng đối với lao động nữ tại mục số 5 với nội dung như sau:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, xác nhận doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hoặc có văn bản trả lời nếu doanh nghiệp không đủ điều kiện là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ.

15. Thủ tục Chứng nhận Cơ sở dạy nghề dành riêng cho người tàn tật - mã số hồ sơ: 034992

15.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian thực hiện thủ tục là 15 ngày làm việc vào điểm g, mục 5, Phần VIII của Thông tư liên tịch số 19/2005/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 19/5/2005 hướng dẫn thi hành Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động là người tàn tật.

16. Thủ tục Duyệt cấp vốn hỗ trợ hoặc dự án vay vốn cho cơ sở dạy nghề dành riêng cho người tàn tật - mã số hồ sơ: 035041

16.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian thực hiện thủ tục là 15 ngày làm việc vào mục 3, phần VIII của Thông tư liên tịch số 19/2005/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 19/5/2005 hướng dẫn thi hành Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về lao động là người tàn tật.

17. Thủ tục Chứng nhận cơ sở sản xuất dành riêng cho người tàn tật - mã số hồ sơ: 035536

17.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian thực hiện thủ tục là 15 ngày làm việc vào điểm g, mục 5, phần VIII của Thông tư liên tịch số 19/2005/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 19/5/2005 hướng dẫn thi hành Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động là người tàn tật.

18. Thủ tục Duyệt cấp vốn hỗ trợ hoặc dự án vay vốn cho Cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật - mã số hồ sơ: 035557

18.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian thực hiện thủ tục là 15 ngày làm việc vào điểm g, mục 5, Phần VIII của Thông tư liên tịch số 19/2005/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 19/5/2005 hướng dẫn thi hành Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động về lao động là người tàn tật.

19. Thủ tục Chứng nhận Doanh nghiệp có người tàn tật tham gia cao hơn tỷ lệ quy định - mã số hồ sơ: 035567

19.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian thực hiện thủ tục là 15 ngày làm việc vào điểm g, mục 5, phần VIII của Thông tư liên tịch số 19/2005/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 19/5/2005 hướng dẫn thi hành Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động về lao động là người tàn tật.

20. Thủ tục Duyệt cấp vốn hỗ trợ hoặc dự án vay vốn cho Doanh nghiệp có người tàn tật tham gia cao hơn tỷ lệ quy định - mã số hồ sơ: 035588

20.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian thực hiện thủ tục là 15 ngày làm việc vào điểm g, mục 5, Phần VIII của Thông tư liên tịch số 19/2005/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 19/5/2005 hướng dẫn thi hành Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động về lao động là người tàn tật.

21. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đối với cơ sở giáo dục có hoạt động dạy nghề; doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động dạy nghề trình độ sơ cấp - mã số hồ sơ: 033174

21.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo sơ cấp nghề tại điểm a, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Lý do:

- Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo sơ cấp nghề tại điểm a, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng không quy định rõ cơ sở vật chất, thiết bị như thế nào là phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo sơ cấp nghề.

- Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng đến nay vẫn chưa có danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

+ Ban hành Quy định cụ thể các tiêu chí có định lượng về cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo sơ cấp nghề.

+ Ban hành Quy định danh mục và nguyên tắc áp dụng các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp.

- Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

22. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động dạy nghề đối với cơ sở giáo dục có hoạt động dạy nghề; doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động dạy nghề trình độ sơ cấp - mã số hồ sơ: 033304

22.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo sơ cấp nghề tại điểm a, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Lý do:

- Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo sơ cấp nghề tại điểm a, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng không quy định rõ cơ sở vật chất, thiết bị như thế nào là phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo sơ cấp nghề.

- Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng đến nay vẫn chưa có danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

+ Ban hành Quy định cụ thể các tiêu chí có định lượng về cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo sơ cấp nghề.

+ Ban hành Quy định danh mục và nguyên tắc áp dụng các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp.

- Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

23. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đối với trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề công lập - mã số hồ sơ: 033371

23.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo tại điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề tại điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Lý do:

* Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo tại điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng không quy định rõ cơ sở vật chất, thiết bị như thế nào là phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

* Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng đến nay vẫn chưa có danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp.

* Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề tại điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng cho đến nay quy định về chuẩn trình độ chuyên môn đối với nhiều nghề vẫn chưa có.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Ban hành Quy định cụ thể các tiêu chí có định lượng về cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

- Ban hành Quy định danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp

- Ban hành Quy định chuẩn trình độ chuyên môn và nguyên tắc áp dụng cho các nghề.

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

24. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động dạy nghề đối với trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề công lập - mã số hồ sơ: 033446

24.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo tại điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ

sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề tại điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Lý do:

* Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo tại điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng không quy định rõ cơ sở vật chất, thiết bị như thế nào là phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

* Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng đến nay vẫn chưa có danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp.

* Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề tại điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng cho đến nay quy định về chuẩn trình độ chuyên môn đối với nhiều nghề vẫn chưa có.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Yều cầu, điều kiện:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Ban hành Quy định cụ thể các tiêu chí có định lượng về cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

- Ban hành Quy định danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp

- Ban hành Quy định chuẩn trình độ chuyên môn và nguyên tắc áp dụng cho các nghề.

2. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

25. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đối với trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài - mã số hồ sơ: 033455

25.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo tại điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề tại điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Lý do:

* Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo tại điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy

nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng không quy định rõ cơ sở vật chất, thiết bị như thế nào là phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

* Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng đến nay vẫn chưa có danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp.

* Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề tại điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng cho đến nay quy định về chuẩn trình độ chuyên môn đối với nhiều nghề vẫn chưa có.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Yêu cầu, điều kiện:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Ban hành Quy định cụ thể các tiêu chí có định lượng về cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

- Ban hành Quy định danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp

- Ban hành Quy định chuẩn trình độ chuyên môn và nguyên tắc áp dụng cho các nghề.

2. Cách thức thực hiện;

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy

nghề theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

26. Thủ tục Thành lập trường trung cấp nghề (đối với trường trung cấp nghề tư thục có 2 thành viên góp vốn trở lên trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập trên cơ sở nâng cấp từ trung tâm dạy nghề hoặc các cơ sở giáo dục khác) - mã số hồ sơ: 033497

26.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung quy trình thẩm định:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do. Được quy định tại các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

Lý do:

Thủ tục yêu cầu phải qua 2 bước thẩm định và nhiều cơ quan tham gia là phức tạp và không cần thiết, kéo dài thời gian (tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc), đơn vị đề nghị phải làm nhiều bộ hồ sơ.

b) Sửa đổi, bổ sung thời gian thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và

trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập trường của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do (được quy định tại các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề).

Lý do:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục không xác định, khoảng thời gian được xác định quá dài. Cụ thể là:

- Thời gian thẩm định sơ bộ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không được quy định, thời hạn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập trường từ khi Hội đồng thẩm định thẩm định xong cũng không được quy định.

- Tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Quy trình thẩm định:

- Bỏ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

- Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Thời gian thực hiện:

Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

27. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động dạy nghề đối với trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài - mã số hồ sơ: 033501

27.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo. Tuy nhiên không quy định rõ cơ sở vật chất, thiết bị như thế nào là phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo (Điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định (Điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề (Điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Lý do:

Điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo. Tuy nhiên không quy định rõ cơ sở vật chất, thiết bị như thế nào là phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

* Điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp.

* Điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề. Tuy nhiên, cho đến nay quy định về chuẩn trình độ chuyên môn đối với nhiều nghề vẫn chưa có.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Yêu cầu, điều kiện:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Ban hành Quy định cụ thể các tiêu chí có định lượng về cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

- Ban hành Quy định danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp.

- Ban hành Quy định chuẩn trình độ chuyên môn và nguyên tắc áp dụng cho các nghề.

2. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

28. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đối với trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề tư thục - mã số hồ sơ: 033544

28.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo. Tuy nhiên không quy định rõ cơ sở vật chất, thiết bị như thế nào là phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo (Điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định (Điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề (Điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo

Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Lý do:

Điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo. Tuy nhiên không quy định rõ cơ sở vật chất, thiết bị như thế nào là phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

* Điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp.

* Điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề. Tuy nhiên, cho đến nay quy định về chuẩn trình độ chuyên môn đối với nhiều nghề vẫn chưa có.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Yêu cầu, điều kiện:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Ban hành Quy định cụ thể các tiêu chí có định lượng về cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

- Ban hành Quy định danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp

- Ban hành Quy định chuẩn trình độ chuyên môn và nguyên tắc áp dụng cho các nghề.

2. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

29. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động dạy nghề đối với trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề tư thục - mã số hồ sơ: 033574

29.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Có cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo. Tuy nhiên không quy định rõ cơ sở vật chất, thiết bị như thế nào là phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo (Điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định (Điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề (Điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Lý do:

Điểm b của khoản 1, điểm a của khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: Có cơ sở

vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo. Tuy nhiên không quy định rõ cơ sở vật chất, thiết bị như thế nào là phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

* Điểm c, khoản 2, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: Có đủ chương trình dạy nghề theo quy định. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp.

* Điểm d, khoản 1, Điều 8 của Quy định về đăng ký hoạt động dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình dạy nghề. Tuy nhiên, cho đến nay quy định về chuẩn trình độ chuyên môn đối với nhiều nghề vẫn chưa có.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Yêu cầu, điều kiện:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Ban hành Quy định cụ thể các tiêu chí có định lượng về cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo.

- Ban hành Quy định danh mục các nghề và chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp

- Ban hành Quy định chuẩn trình độ chuyên môn và nguyên tắc áp dụng cho các nghề.

2. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy

nghề theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

30. Thủ tục Thành lập trường trung cấp nghề (đối với trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập lại trên cơ sở nâng cấp từ trung tâm dạy nghề hoặc các cơ sở giáo dục khác) - mã số hồ sơ: 033654

30.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung quy trình thẩm định:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tại các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

Lý do:

Thủ tục yêu cầu phải qua 2 bước thẩm định và nhiều cơ quan tham gia là phức tạp và không cần thiết, kéo dài thời gian (tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc), đơn vị đề nghị phải làm nhiều bộ hồ sơ.

b) Sửa đổi, bổ sung thời gian thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và

trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập trường của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Lý do:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục không xác định, khoảng thời gian được xác định quá dài. Cụ thể là:

- Thời gian thẩm định sơ bộ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không được quy định, thời hạn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập trường từ khi Hội đồng thẩm định thẩm định xong cũng không được quy định.

- Tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

30.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Quy trình thẩm định:

- Bỏ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

- Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày

30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Thời gian thực hiện:

Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

31. Thủ tục Thành lập mới trường trung cấp nghề (đối với trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập) - mã số hồ sơ: 033662

31.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung quy trình thẩm định:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tại các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

Lý do:

Thủ tục yêu cầu phải qua 2 bước thẩm định và nhiều cơ quan tham gia là phức tạp và không cần thiết, kéo dài thời gian (tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc), đơn vị đề nghị phải làm nhiều bộ hồ sơ.

b) Sửa đổi, bổ sung thời gian thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập trường của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Lý do:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục không xác định, khoảng thời gian được xác định quá dài. Cụ thể là:

- Thời gian thẩm định sơ bộ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không được quy định, thời hạn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập trường từ khi Hội đồng thẩm định thẩm định xong cũng không được quy định

- Tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

31.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Quy trình thẩm định

- Bỏ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

- Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Thời gian thực hiện:

Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

32. Thủ tục Thành lập trường trung cấp nghề (đối với trường trung cấp nghề tư thục có 1 thành viên góp vốn trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập trên cơ sở nâng cấp từ trung tâm dạy nghề hoặc các cơ sở giáo dục khác) - mã số hồ sơ: 033664

32.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung quy trình thẩm định:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tại các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

Lý do:

Thủ tục yêu cầu phải qua 2 bước thẩm định và nhiều cơ quan tham gia là phức tạp và không cần thiết, kéo dài thời gian (tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc), đơn vị đề nghị phải làm nhiều bộ hồ sơ.

b) Sửa đổi, bổ sung thời gian thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập trường của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Lý do:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục không xác định, khoảng thời gian được xác định quá dài. Cụ thể là:

- Thời gian thẩm định sơ bộ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không được quy định, thời hạn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập trường từ khi Hội đồng thẩm định thẩm định xong cũng không được quy định

- Tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

32.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Quy trình thẩm định:

- Bỏ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

- Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Thời gian thực hiện:

Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

33. Thủ tục Thành lập mới trường trung cấp nghề (đối với trường trung cấp nghề tư thục do 1 thành viên góp vốn thành lập mới trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) - mã số hồ sơ: 033665

33.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung quy trình thẩm định:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tại các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

Lý do:

Thủ tục yêu cầu phải qua 2 bước thẩm định và nhiều cơ quan tham gia là phức tạp và không cần thiết, kéo dài thời gian (tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc), đơn vị đề nghị phải làm nhiều bộ hồ sơ.

b) Sửa đổi, bổ sung thời gian thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập trường của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Lý do:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục không xác định, khoảng thời gian được xác định quá dài. Cụ thể là:

- Thời gian thẩm định sơ bộ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không được quy định, thời hạn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập trường từ khi Hội đồng thẩm định thẩm định xong cũng không được quy định.

- Tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

33.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Quy trình thẩm định:

- Bỏ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

- Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Thời gian thực hiện:

Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

34. Thủ tục Thành lập trung tâm dạy nghề tư thục do 1 thành viên góp vốn - mã số hồ sơ: 034508

34.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung quy trình thẩm định:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tại các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

Lý do:

Thủ tục yêu cầu phải qua 2 bước thẩm định và nhiều cơ quan tham gia là phức tạp và không cần thiết, kéo dài thời gian (tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc), đơn vị đề nghị phải làm nhiều bộ hồ sơ.

b) Sửa đổi, bổ sung thời gian thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập trường của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Lý do:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục không xác định, khoảng thời gian được xác định quá dài. Cụ thể là:

- Thời gian thẩm định sơ bộ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không

được quy định, thời hạn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập trường từ khi Hội đồng thẩm định thẩm định xong cũng không được quy định.

- Tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do: Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

34.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Quy trình thẩm định:

- Bỏ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

- Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Thời gian thực hiện:

Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy

nghề theo Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

35. Thủ tục Thành lập trung tâm dạy nghề tư thục có từ 2 thành viên góp vốn trở lên - mã số hồ sơ: 034517

35.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung quy trình thẩm định:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tại các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

Lý do:

Thủ tục yêu cầu phải qua 2 bước thẩm định và nhiều cơ quan tham gia là phức tạp và không cần thiết, kéo dài thời gian (tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc), đơn vị đề nghị phải làm nhiều bộ hồ sơ.

b) Sửa đổi, bổ sung thời gian thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập trường của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Lý do:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục không xác định, khoảng thời gian được xác định quá dài. Cụ thể là:

- Thời gian thẩm định sơ bộ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không được quy định, thời hạn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập trường từ khi Hội đồng thẩm định thẩm định xong cũng không được quy định.

- Tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

35.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Quy trình thẩm định:

- Bỏ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

- Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường

trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Thời gian thực hiện:

Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3**5.** Thủ tục Thành Thành lập trung tâm dạy nghề công lập - mã số hồ sơ: 034527

35.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung quy trình thẩm định:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tại các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về

thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

Lý do:

Thủ tục yêu cầu phải qua 2 bước thẩm định và nhiều cơ quan tham gia là phức tạp và không cần thiết, kéo dài thời gian (tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc), đơn vị đề nghị phải làm nhiều bộ hồ sơ.

b) Sửa đổi, bổ sung thời gian thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập trường của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Lý do:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục không xác định, khoảng thời gian được xác định quá dài. Cụ thể là:

- Thời gian thẩm định sơ bộ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không được quy định, thời hạn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập trường từ khi Hội đồng thẩm định thẩm định xong cũng không được quy định

- Tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

35.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Quy trình thẩm định:

- Bỏ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

- Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Thời gian thực hiện:

Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

36. Thủ tục Thành lập mới trường trung cấp nghề (đối với trường trung cấp nghề tư thục có 2 thành viên góp vốn trở lên trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) - mã số hồ sơ: 070396

36.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Sửa đổi, bổ sung quy trình thẩm định:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tại các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

Lý do:

Thủ tục yêu cầu phải qua 2 bước thẩm định và nhiều cơ quan tham gia là phức tạp và không cần thiết, kéo dài thời gian (tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc), đơn vị đề nghị phải làm nhiều bộ hồ sơ.

b) Sửa đổi, bổ sung thời gian thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập trường trung cấp nghề;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập trường của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết thành lập trường trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh hoặc cho phép thành lập trường trung cấp nghề tư thục trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập, cho phép thành lập, phải trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Lý do:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục không xác định, khoảng thời gian được xác định quá dài. Cụ thể là:

- Thời gian thẩm định sơ bộ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không được quy định, thời hạn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập trường từ khi Hội đồng thẩm định thẩm định xong cũng không được quy định.

- Tổng thời gian được quy định trong các bước qua Hội đồng thẩm định và Quyết định là 25 ngày làm việc.

b) Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện.

Lý do:

Thủ tục không quy định việc thẩm định thực hiện theo chế độ tiền kiểm hay hậu kiểm. Việc thực hiện theo chế độ tiền kiểm thường không hiệu quả bằng chế độ hậu kiểm. Vì vậy cần quy định rõ cách thức thực hiện thẩm định và chế độ kèm theo.

36.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Quy trình thẩm định:

- Bỏ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

- Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Thời gian thực hiện:

Sửa điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thành: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ

ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Cách thức thực hiện:

Bổ sung quy định thực hiện chế độ hậu kiểm cho thủ tục đăng ký hoạt động dạy nghề theo Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

37. Thủ tục Lập hồ sơ thực hiện chế độ Bảo hiểm y tế - mã số hồ sơ: 036936

37.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

37.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 15 ngày làm việc vào khoản 1, Mục XIII, Phần I, Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi đốI vớI ngườI có công vớI cách mạng.

38. Thủ tục Thực hiện chế độ hưởng mai táng phí người có công với cách mạng từ trần - mã số hồ sơ: 036973

38.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

38.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 2 tuần vào tiết 1.3, khoản 1, mục XII, Phần I, Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động -

Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

39. Thủ tục Thực hiện chế độ hưởng mai táng phí và trợ cấp một lần đối với người có công với cách mạng từ trần - mã số hồ sơ: 036991

39.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

39.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 15 ngày làm việc vào tiết 1.2, khoản 1, mục XII, Phần I, Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

40. Thủ tục Lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng từ trần - mã số hồ sơ: 037004

40.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

40.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 15 ngày làm việc trong tiết 1.2, khoản 1, mục XII, Phần I, Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công vớI cách mạng

41. Thủ tục Lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công giúp đỡ cách mạng - mã số hồ sơ: 037006

41.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ

41.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung Quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 15 ngày làm việc vào khoản 1, mục X, Phần I, Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng

42. Thủ tục Lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học - mã số hồ sơ: 037011

42.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ

42.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 15 ngày làm việc vào Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung Mục VII Thông tư số 07/2006/TT- BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng

43. Thủ tục Lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi đối với người hoạt động cách mạng, người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày, người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01/01/1995 - mã số hồ sơ: 037014

43.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

43.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ là 15 ngày làm việc vào khoản 1, mục XI, Phần I, Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

44. Thủ tục Lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc - mã số hồ sơ: 037017

44.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

44.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 15 ngày làm việc vào khoản 1, mục IX, Phần I, Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi ngườI có công với cách mạng.

45. Thủ tục Giới thiệu di chuyển hồ sơ người có công - mã số hồ sơ: 037083

45.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

45.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung Quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 15 ngày làm việc vào tiết 1.1, 1.2, khoản 1, mục III, Phần II, Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

46. Thủ tục Thực hiện chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, công an nhân dân, cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước, công nhân viên chức quốc phòng, công an trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ ngày 20/7/1954 đến 30/4/1975, về gia đình từ ngày 31/12/1976 trở về trước, chưa được hưởng một trong các chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng và chế độ hưu trí hàng tháng - mã số hồ sơ: 037102

46.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

46.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 3, Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên lịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và nhà nước.

47. Thủ tục Thực hiện chế độ trợ cấp 1 lần đối với thân nhân của quân nhân, công an nhân dân, cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước, công nhân viên chức quốc phòng, công an trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ ngày 20/7/1954 đến 30/4/1975, về gia đình từ ngày 31/12/1976 trở về trước, chưa được hưởng một trong các chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng và chế độ hưu trí hàng tháng - mã số hồ sơ: 037126

47.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

47.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 3, Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên lịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

(Xem tiếp Công báo số 33 + 34)

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản
Điện thoại: 38.233.686
Fax: (84.8) 38.233.694
Email: ttcb@tphcm.gov.vn
Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng